

MỤC LỤC

| | |
|---|-----------|
| I. MỞ ĐẦU..... | 1 |
| 1. Lý do và sự cần thiết lập quy hoạch chung xã..... | 1 |
| 2. Căn cứ chính lập quy hoạch | 1 |
| 3. Vị trí, phạm vi quy hoạch, quy mô diện tích lập quy hoạch | 3 |
| 4. Mục tiêu quy hoạch..... | 3 |
| 5. Tính chất, vai trò, chức năng | 3 |
| II. PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG KHU VỰC LẬP QUY HOẠCH CHUNG XÃ..... | 5 |
| 1. Vị trí và mối liên hệ vùng..... | 5 |
| 2. Hiện trạng kinh tế - xã hội | 5 |
| 3. Hiện trạng sử dụng | 5 |
| 4. Hiện trạng hạ tầng xã hội..... | 7 |
| 5. Hiện trạng hạ tầng kỹ thuật..... | 8 |
| III. ĐỘNG LỰC, TIỀM NĂNG..... | 12 |
| 1. Động lực phát triển..... | 12 |
| 2. Tiềm năng phát triển của xã | 12 |
| 3. Những vấn đề chính cần giải quyết trong quy hoạch | 13 |
| IV. DỰ BÁO PHÁT TRIỂN..... | 15 |
| 1. Dự báo phát triển kinh tế - xã hội | 15 |
| 2. Dự báo dân số, lao động | 16 |
| V. ĐỊNH HƯỚNG TỔ CHỨC KHÔNG GIAN..... | 16 |
| 1. Cấu trúc tổ chức không gian..... | 16 |
| 2. Định hướng các chức năng của xã..... | 17 |
| 3. Xác định quy mô sử dụng đất quy hoạch..... | 22 |
| 4. Định hướng kiến trúc cảnh quan..... | 26 |
| VI. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT XÃ..... | 27 |
| 1. Chuẩn bị kỹ thuật..... | 27 |
| 2. Định hướng thoát nước mặt..... | 28 |
| 3. Hành lang bảo vệ sông suối..... | 29 |
| 4. Giao thông..... | 30 |
| 5. Cấp điện..... | 32 |
| 6. Cấp nước và phòng cháy chữa cháy..... | 33 |
| 7. Thoát nước và xử lý nước thải | 34 |
| 8. Vệ sinh môi trường..... | 36 |
| 9. Hạ tầng viễn thông thụ động | 37 |
| 10. Hạ tầng kỹ thuật phục vụ sản xuất..... | 38 |
| VII. CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ..... | 39 |
| 1. Nguyên tắc xác định ưu tiên đầu tư..... | 39 |
| 2. Các chương trình, dự án đầu tư..... | 39 |
| 3. Phân kỳ đầu tư | 40 |

MỞ ĐẦU

1. Lý do và sự cần thiết lập quy hoạch chung xã

Xã Yên Trạch được thành lập trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích, dân số của 03 xã: Yên Ninh, Yên Đỗ và xã Yên Trạch (huyện Phú Lương), với diện tích 11.276,22 km², dân số 21.148 người theo Nghị quyết số 1683/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Thái Nguyên năm 2025.

Từ ngày 01/7/2025, việc hình thành đơn vị hành chính mới đòi hỏi xây dựng một quy hoạch chung thống nhất, thay thế các quy hoạch chung xây dựng các xã đã được phê duyệt trước đây, bảo đảm đồng bộ, liên thông về không gian phát triển, hạ tầng kỹ thuật - xã hội và quản lý đất đai. Trong bối cảnh tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp của tỉnh được kiện toàn, việc lập quy hoạch chung xã Yên Trạch mới nhằm cụ thể hóa định hướng phát triển kinh tế – xã hội, quốc phòng – an ninh, bảo vệ môi trường và gìn giữ bản sắc văn hóa theo điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021–2030, tầm nhìn đến năm 2050, đồng thời tuân thủ quy định của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn cùng các văn bản hướng dẫn thi hành. Ngày 04/9/2025, UBND tỉnh Thái Nguyên có văn bản số 2651/UBND-CNN&XD về việc tổ chức lập quy hoạch chung các xã, phường trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, trong đó xã Yên Trạch nằm trong danh mục dự án quy hoạch chung xã kèm theo văn bản này.

Từ những cơ sở trên, việc lập Quy hoạch chung xã Yên Trạch, tỉnh Thái Nguyên đến năm 2045 là cần thiết và cấp bách, làm căn cứ quản lý, tổ chức lập quy hoạch chi tiết và định hướng phát triển, thu hút đầu tư.

2. Căn cứ chính lập quy hoạch

- Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2025/QH15 ngày 26/11/2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 144/2025/QH15 ngày 11/12/2025 ;

- Luật Quy hoạch số 112/2025/QH15 ngày 10/12/2025;

- Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quy hoạch đô thị và nông thôn; Nghị định số 34/2026/NĐ-CP ngày 22/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 Quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;

- Nghị quyết số 1683/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Thái Nguyên năm 2025;

- Nghị quyết số 112/2025/UBTVQH15 ngày 24/12/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính;

- Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành QCVN 01:2021/BXD quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng;

- Thông tư số 02/2022/TT-BXD ngày 26/9/2022 của Bộ Xây dựng ban hành QCVN 02:2022/BXD quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về số liệu điều kiện tự nhiên dùng trong xây dựng;

- Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;

- Thông tư số 43/2025/TT-BXD ngày 09/12/2025 của Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn.

- Quyết định số 292/QĐ-UBND ngày 09/02/2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Văn bản số 2651/UBND-CNN&XD ngày 04/9/2025 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc tổ chức lập Quy hoạch chung các xã, phường trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

- Thông báo số 55/TB-UBND ngày 27/8/2025 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc kết luận của đồng chí Phó Chủ tịch UBND tỉnh Nguyễn Linh tại cuộc họp về công tác tổ chức lập quy hoạch chung các xã, phường trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

- Văn bản số 2033/UBND-CNN&XD ngày 20/8/2025 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc hướng dẫn các địa phương tổ chức lập quy hoạch chung các xã, phường trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

- Quyết định số 203/QĐ-UBND ngày 03/02/2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên phê duyệt Nhiệm vụ quy hoạch chung xã Yên Trạch, tỉnh Thái Nguyên đến năm 2045;

- Văn bản số 1345/SXD-QHKT ngày 22/8/2025 của Sở Xây dựng tỉnh Thái Nguyên về việc hướng dẫn tổ chức thực hiện quy hoạch chung các xã, phường trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

- Văn bản số 1421/SXD-QHKT ngày 25/8/2025 của Sở Xây dựng tỉnh Thái Nguyên về việc triển khai Công văn số 5141/BQP-TCHCKT ngày 19/8/2025 của Bộ Quốc phòng;

- Văn bản số 1560/SXD-QHKT ngày 29/8/2025 của Sở Xây dựng về việc triển khai nhiệm vụ UBND tỉnh giao tại Thông báo số 55/TB-UBND ngày 27/8/2025;

- Văn bản số 1642/SXD-QHKT ngày 05/9/2025 của Sở Xây dựng về việc hướng dẫn về thời hạn lập quy hoạch, thành phần hồ sơ lấy ý kiến, hồ sơ trình

thẩm định nhiệm vụ và quy hoạch đô thị và nông thôn.

3. Vị trí, phạm vi quy hoạch, quy mô diện tích lập quy hoạch

Phạm vi lập quy hoạch được xác định là toàn bộ địa giới hành chính của xã Yên Trạch, tỉnh Thái Nguyên, ranh giới được xác định như sau:

- Phía Bắc: giáp xã Phượng Tiến và xã Chợ Mới;
- Phía Nam: giáp xã Hợp Thành và xã Phú Lương;
- Phía Đông: giáp xã Chợ Mới và xã Phú Lương;
- Phía Tây: Giáp xã Phượng Tiến và xã Trung Hội.

Tổng diện tích lập quy hoạch khoảng 11.276,22 ha.

Thời hạn quy hoạch cho giai đoạn ngắn hạn đến năm 2030; dài hạn của quy hoạch đến năm 2045.

4. Mục tiêu quy hoạch

- Quy hoạch chung xã Yên Trạch theo các định hướng của điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050. Phát triển xã nông thôn, kinh tế nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới theo hướng “nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh”. Huy động đa dạng và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực vào nông nghiệp, nông thôn. Xây dựng nông thôn mới gắn với quá trình đô thị hóa, kết hợp giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc của từng vùng, đi vào chiều sâu, hiệu quả, bền vững; duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới gắn với chỉnh trang khu vực nông thôn, góp phần nâng cao chất lượng, môi trường sống nông thôn. Tập trung đẩy mạnh chuyển đổi số, phát triển du lịch nông nghiệp sinh thái, du lịch về nguồn gắn với bảo tồn bản sắc văn hóa dân tộc; thực hiện hiện đại hóa nông thôn, kết hợp hài hòa nông nghiệp với công nghiệp và dịch vụ trên nền tảng hạ tầng đồng bộ, thích ứng biến đổi khí hậu, nâng cao đời sống Nhân dân.

- Về kết cấu hạ tầng và bảo vệ môi trường: Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, tạo bước đột phá góp phần phát triển kinh tế - xã hội, kết nối với hệ thống giao thông của vùng, quốc gia; phát triển hệ thống giao thông công cộng; hệ thống cấp điện, cấp nước, thủy lợi an toàn, hiện đại, đồng bộ; xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng thông tin và truyền thông, hạ tầng số hiện đại, an toàn; hệ thống hạ tầng xã hội được quy hoạch và xây dựng hiện đại đồng bộ.

- Quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội: Gắn phát triển kinh tế - xã hội với củng cố thể trận quốc phòng, an ninh, chủ động nắm chắc tình hình, không để bị động, bất ngờ; xây dựng khu vực phòng thủ ngày càng vững chắc; đảm bảo trật tự kỷ cương, an toàn, bình yên và hạnh phúc của Nhân dân.

5. Tính chất, vai trò, chức năng

- Là xã phát triển theo hướng nông nghiệp sinh thái - nông thôn hiện đại,

gắn chuyển đổi số và kinh tế tuần hoàn nông nghiệp, thông minh, du lịch, nông nghiệp công nghệ cao; có cơ sở hạ tầng đồng bộ, hiện đại, thích ứng với biến đổi khí hậu; giữ vai trò đầu mối giao thông liên kết phát triển vùng. Tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của khu vực.

- Là xã thuộc vùng 2 (vùng giao thoa, nằm giữa hai hành lang kinh tế Đông - Tây, quốc lộ 3 và cao tốc Tuyên Quang - Thái Nguyên - Lạng Sơn) là vùng chuyên tiếp, giao thoa giữa vùng phía Bắc và phía Nam, phát triển nông nghiệp công nghệ cao, công nghiệp chế biến nông lâm sản, du lịch văn hóa - lịch sử và phát triển hỗ trợ cho vùng động lực phía Nam.

- Là trung tâm đầu mối giao thông; phát triển không gian ở, thương mại, du lịch, nông - lâm nghiệp, công nghiệp, logistics, văn hóa, khoa học và công nghệ, giao thông. Hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đồng bộ hiện đại phát triển bền vững.

II. PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG KHU VỰC LẬP QUY HOẠCH CHUNG XÃ

1. Vị trí và mối liên hệ vùng

Xã Yên Trạch nằm ở phía Bắc tỉnh Thái Nguyên, cách trung tâm tỉnh khoảng 36 km, giữ vị trí trung chuyển quan trọng trong không gian phát triển khu vực trung du miền núi phía Bắc. Với vị trí nằm trong vùng giao thoa giữa các hành lang kinh tế Đông – Tây, xã có điều kiện thuận lợi để kết nối với các trung tâm kinh tế – đô thị trong và ngoài của tỉnh, đồng thời đóng vai trò là cầu nối giữa vùng phía Bắc và vùng động lực phía Nam của tỉnh.

Mối liên hệ vùng được hình thành rõ nét thông qua các trục giao thông đối ngoại quan trọng:

- Quốc lộ 3 đi qua địa bàn là trục kết nối chiến lược theo hướng Bắc – Nam, liên kết trực tiếp với tuyến cao tốc Thái Nguyên – Bắc Kạn (dự kiến), tạo điều kiện tăng cường kết nối nhanh với trung tâm tỉnh và các tỉnh vùng Đông Bắc; đồng thời kết nối thuận lợi với xã Phú Lương – đô thị loại III, trung tâm kinh tế - dịch vụ quan trọng của khu vực phía Bắc tỉnh.

- Đường Hồ Chí Minh đóng vai trò là hành lang phát triển theo hướng Tây, kết nối Yên Trạch với các khu vực phát triển lâm nghiệp, du lịch sinh thái và lịch sử như Định Hóa, qua đó mở rộng không gian liên kết vùng và phát triển kinh tế nông – lâm nghiệp gắn với du lịch.

- Tuyến đường tỉnh 263D (dự kiến) là trục kết nối liên xã, liên vùng quan trọng, tăng cường liên kết giữa Yên Trạch với các xã lân cận như Trung Hội, Hợp Thành, góp phần hoàn thiện mạng lưới giao thông khu vực, thúc đẩy giao thương, phát triển logistics và phân phối nông sản.

2. Hiện trạng kinh tế - xã hội

Trong giai đoạn 2020 - 2025, xã đạt được những kết quả kinh tế - xã hội như sau:

- Tổng sản lượng lương thực cây có hạt bình quân hằng năm đạt 8.265 tấn
- 03/03 xã đạt chuẩn xã nông thôn mới (trong đó Yên Trạch về đích trước 2 năm, vượt chỉ tiêu nghị quyết); 05 xóm đạt xóm nông thôn mới kiểu mẫu;
- Thu nhập bình quân đầu người đạt 48,58 triệu đồng/người/năm;
- Duy trì, nâng cao kết quả phổ cập giáo dục các bậc học. 100% các trường học đạt chuẩn quốc gia (trong đó 03 trường đạt chuẩn mức độ 2, có 07 trường đạt chuẩn mức độ 1);
- Tỷ lệ hộ nghèo đến năm 2025 còn 2,98%, hộ cận nghèo còn 3,78% so với tổng số hộ của xã.

3. Hiện trạng sử dụng

Tổng diện tích đất tự nhiên của xã là 11.276,22ha, trong đó:

- Đất nông nghiệp là 9.908,15ha, chiếm 87,87% diện tích tự nhiên;
- Đất phi nông nghiệp là 1.284,69ha, chiếm 11,39% diện tích tự nhiên;
- Đất chưa sử dụng là 83,38 ha, chiếm 0,74% diện tích tự nhiên.

Bảng 1: Hiện trạng sử dụng đất xã Yên Trạch năm 2025

| TT | Loại đất | Mã | Diện tích (ha) |
|-------|---|-----|----------------|
| | Tổng diện tích | | 11.276,22 |
| I | Nhóm đất nông nghiệp | NNP | 9.908,15 |
| 1 | Đất trồng cây hằng năm | CHN | 1.266,69 |
| 1.1 | Đất trồng lúa | LUA | 874,06 |
| 1.1.1 | Đất chuyên trồng lúa | LUC | 500,32 |
| 1.1.2 | Đất trồng lúa còn lại | LUK | 373,73 |
| 1.2 | Đất trồng cây hằng năm khác | HNK | 392,64 |
| 2 | Đất trồng cây lâu năm | CLN | 1.099,41 |
| 3 | Đất lâm nghiệp | LNP | 7.241,15 |
| 3.1 | Đất rừng phòng hộ | RPH | 944,23 |
| 3.2 | Đất rừng sản xuất | RSX | 6.296,92 |
| | <i>Trong đó: Đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i> | RSN | |
| 4 | Đất nuôi trồng thủy sản | NTS | 300,89 |
| II | Nhóm đất phi nông nghiệp | PNN | 1.284,69 |
| 1 | Đất ở | OTC | 461,54 |
| | Đất ở tại nông thôn | ONT | 461,54 |
| 2 | Đất xây dựng trụ sở cơ quan | TSC | 1,74 |
| 3 | Đất quốc phòng, an ninh | CQA | 259,57 |
| 3.1 | Đất quốc phòng | CQP | 146,95 |
| 3.2 | Đất an ninh | CAN | 112,62 |
| 4 | Đất xây dựng công trình sự nghiệp | DSN | 21,94 |
| 4.1 | Đất xây dựng cơ sở văn hóa | DVH | 5,02 |
| 4.3 | Đất xây dựng cơ sở y tế | DYT | 1,85 |
| 4.4 | Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo | DGD | 12,14 |
| 4.5 | Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao | DTT | 2,88 |
| 4.6 | Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác | DSK | 0,06 |
| 5 | Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp | CSK | 11,35 |
| 5.1 | Đất thương mại, dịch vụ | TMD | 0,99 |
| 5.2 | Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp | SKC | 1,03 |
| 5.3 | Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản | SKS | 9,33 |
| 6 | Đất sử dụng vào mục đích công cộng | CCC | 352,00 |
| 6.1 | Đất công trình giao thông | DGT | 276,15 |
| 6.2 | Đất công trình thủy lợi | DTL | 72,99 |
| 6.3 | Đất công trình cấp nước, thoát nước | DCT | 0,32 |
| 6.4 | Đất công trình xử lý chất thải | DRA | 0,14 |
| 6.5 | Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng | DNL | 0,25 |
| 6.6 | Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin | DBV | 0,11 |
| 6.7 | Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối | DCH | 2,04 |
| 8 | Đất tín ngưỡng | TIN | 1,51 |
| 9 | Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu trữ tro cốt | NTD | 15,22 |

| TT | Loại đất | Mã | Diện tích (ha) |
|------|---|-----|----------------|
| 10 | Đất có mặt nước chuyên dùng | TVC | 159,82 |
| 10.1 | Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá | MNC | 15,76 |
| 10.2 | Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối | SON | 144,06 |
| III | Nhóm đất chưa sử dụng | CSD | 83,38 |
| 1 | Đất bằng chưa sử dụng | BCS | 23,65 |
| 2 | Đất đồi núi chưa sử dụng | DCS | 1,92 |
| 3 | Núi đá không có rừng cây | NCS | 57,81 |

4. Hiện trạng hạ tầng xã hội

- Trụ sở cơ quan xã: Xã Yên Trạch kế thừa trung tâm hành chính, chính trị của xã Yên Đổ (trước sắp xếp). Vị trí nằm cách trục đường quốc lộ 3 khoảng 150m.

- Giáo dục: Trên địa bàn xã có 10 trường học, trong đó 1 trường THPT Yên Ninh, 3 trường THCS, 3 trường tiểu học và 3 trường mầm non. Quy mô, mạng lưới trường lớp của xã Yên Trạch cơ bản đáp ứng được yêu cầu học tập của người dân về chất lượng giáo dục, quy mô trường lớp, cơ sở vật chất, thực hiện tốt nhiệm vụ phổ cập giáo dục các cấp học, tuy nhiên cần xem xét về yếu tố bán kính phục vụ.

- Y tế: Ngoài các cơ sở y tế tư nhân, cơ sở y tế công lập trên địa bàn xã Yên Trạch gồm có 01 Trạm y tế, trong đó được chia làm 3 điểm trạm: Điểm trạm Yên Ninh, điểm trạm Yên Đổ, điểm trạm Yên Trạch; Xếp cấp chuyên môn kỹ thuật là cấp ban đầu.

- Công trình văn hóa – thể dục thể thao: Nhà Trung tâm văn hóa xã xây dựng đạt chuẩn có diện tích 400 m², khu thể thao xã có diện tích 4000 m². Ngoài ra trên địa bàn các xóm đều có nhà văn hóa và khu thể thao xóm đạt chuẩn của Bộ Văn hóa - Thể thao - Du lịch.

- Cây xanh công cộng: Trên địa bàn xã hiện trạng chưa có các công viên tập trung, chỉ có các hệ thống khuôn viên cây xanh, sân chơi nhỏ lẻ chưa tập trung, chưa đáp ứng nhu cầu vui chơi giải trí của người dân trong các khu ở.

- Công trình thương mại – dịch vụ: Trên địa bàn có 3 chợ, ở trung tâm của các xã trước nhập, vị trí thuộc xóm Na Hiên (xã Yên Trạch cũ), xóm Bằng Ninh (xã Yên Ninh cũ), xóm Làng (xã Yên Đổ cũ). Xã có khoảng 500 cơ sở sản xuất, kinh doanh thương mại, hộ kinh doanh, buôn bán. Các hoạt động thương mại dịch vụ với sự tham gia của nhiều thành phần kinh tế đã đáp ứng tốt các nhu cầu tiêu dùng của nhân dân trong xã.

- Công trình tôn giáo, tín ngưỡng: Trên địa bàn xã có 09 cơ sở tín ngưỡng: Đình Kẽm, Đền thờ Xóm Hin, Đình Hin, Đền Cắm, Miếu Phủ Bà, Đình Đá Mài, Đình Khe Nác, Đình Xóm Đồng Danh, Đình Na Hiên. 01 điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung: Điểm nhóm Yên Đổ.

- Công trình di tích: Có 05 di tích lịch sử được xếp hạng:

+ 01 Di tích cấp quốc gia tại xóm Hạ: Di tích lịch sử địa điểm tổ chức lớp huấn luyện đầu tiên và đóng quân của trường cán bộ cung cấp (1951-1954), tiền thân của Học viện hậu cần;

+ 04 di tích lịch sử cấp tỉnh gồm: **Di tích Đền Cấm** được UBND tỉnh Thái Nguyên công nhận là Di tích lịch sử cấp tỉnh theo Quyết định số 2485/QĐ-UBND ngày 12/8/2020, thuộc địa phận xóm Góc Vải, xã Yên Trạch, tỉnh Thái Nguyên, hay còn gọi là Đền Ông, nơi thờ ông Hà Đình Bông - cha nuôi của nhà thơ Nguyễn Du; **Đình Kẽm – Nơi chủ tịch Hồ Chí Minh nói chuyện với hội nghị về chính sách thuế Nông nghiệp (năm 1951)** là di tích lịch sử cấp tỉnh theo quyết định số 2485/QĐ-UBND ngày 12/8/2020 của UBND tỉnh Thái Nguyên, di tích nằm trên địa bàn xóm Kẽm; **Nơi thành lập kho quân được liên khu Việt Bắc (tiền thân của kho 708) Cục quân y** là di tích lịch sử đã được xếp hạng di tích lịch sử cấp tỉnh theo quyết định số 306/QĐ-UBND, ngày 14/02/2025 hiện nay nằm trên địa bàn xóm Suối Bén, được xây dựng nhà bia tưởng niệm nằm ở khuôn viên nhà văn hóa xóm Suối Bén; **Nơi thành lập Bệnh viện Trung ương Yên Trạch (tiền thân của Bệnh Viện Trung Ương Quân đội 108) xã Yên Trạch** là di tích lịch sử đã được xếp hạng di tích lịch sử cấp tỉnh theo quyết định số 307/QĐ-UBND, ngày 14/02/2025 của UBND tỉnh Thái Nguyên, hiện nay khu di tích đã có 01 phòng truyền thống đặt tại địa điểm nhà văn hóa xóm Làng Nông, xã Yên Trạch.

- Hiện trạng an ninh, quốc phòng: Trên địa bàn xã có tổng diện tích đất an ninh, quốc phòng là 259,57ha. Bao gồm một số điểm đất quốc phòng do Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Thái Nguyên và một số đơn vị trực thuộc Quân khu 1, Bộ Quốc phòng đang quản lý, sử dụng và 01 khu vực địa hình có tầm quan trọng đặc biệt (địa hình loại 1), 03 khu vực địa hình có tầm quan trọng cao (địa hình loại 2) ưu tiên cho nhiệm vụ quốc phòng theo Quyết định số 2256/QĐ-BQP ngày 30/5/2023 của Bộ Quốc phòng.

5. Hiện trạng hạ tầng kỹ thuật

5.1. Hiện trạng chuẩn bị kỹ thuật

a) Hiện trạng cao độ nền

Xã thuộc địa hình miền núi trung du với nhiều đồi núi nằm rải rác, địa hình tương đối phức tạp, hướng dốc chính từ Đông sang Tây và Bắc Xuống Nam.

- Địa hình đồi núi: Là khu vực có độ dốc địa hình lớn, phức tạp, cao độ từ 200÷524,1m. Đỉnh núi cao nhất nằm ở phía Đông là núi Đất Đông có độ cao khoảng 524,1m; đỉnh núi ở phía Bắc cao khoảng 450m so với mực nước biển;

- Địa hình đồng bằng, thung lũng: Nằm ở các khu vực trũng, ven sông, suối. Cao độ nền trung bình từ 50m ÷ 97m.

b) Hiện trạng thoát nước mưa

Hiện trạng hệ thống thoát nước mưa chưa hoàn chỉnh, mới chỉ có hệ thống cống thoát nước dọc trục đường QL3, QL3C.... Với đặc thù là khu vực nông thôn trung du miền núi, diện tích đồi núi và mặt đất tự nhiên lớn, nước mưa một

phần được thấm thấu xuống đất, một phần được chảy theo các lưu vực thoát nước sau đó đổ về các hồ, ao, suối tự nhiên.

5.2. Hiện trạng giao thông

a) Đường quốc lộ:

- Đường Hồ Chí Minh: Nối từ Quốc lộ 3 tại phía Bắc xã Yên Trạch đi Tuyên Quang. Tổng chiều dài trong ranh giới xã là 6,03km. Mặt đường nhựa 5,5m lề mỗi bên 1,5m.

- Quốc lộ 3: Tuyến giao thông quan trọng của tỉnh Thái Nguyên cũng như của xã Yên Trạch kết nối Hà Nội qua Thái Nguyên với các tỉnh phía Bắc. Tổng chiều dài trong ranh giới xã là 17,09km. Đoạn đi qua địa bàn xã mặt đường nhựa từ 7,5m-11m, lề đường mỗi bên 1,5m.

- Quốc lộ 3C: Tuyến kết nối Quốc lộ 3 với các xã phía Tây Bắc tỉnh Thái Nguyên. Tổng chiều dài trong ranh giới xã là 2,74km. Mặt đường nhựa 5,5m, nền đường 7,5m.

b) Giao thông nội bộ

Có 3 tuyến đường nội bộ chính: Từ Quốc lộ 3 đi xã Yên Trạch, từ Quốc lộ 3 đi Quốc lộ 3C, từ Quốc lộ 3 đi xã Phú Lương với tổng chiều dài khoảng 26,33km. Các tuyến đường nội bộ cơ bản đạt tiêu chuẩn cấp V miền núi và cấp VI miền núi.

Còn lại là các tuyến đường bê tông, đường ngõ xóm phục vụ sinh hoạt và sản xuất của người dân trong xã. Các tuyến đường có quy mô mặt cắt 1-5m phần lớn là đường bê tông và đường đất.

c) Công trình giao thông: Xã có các cầu trên đường giao thông Quốc lộ, chủ yếu là cầu bê tông cốt thép. Hiện trạng các công trình cầu, cống trên địa bàn còn hạn chế, chỉ đáp ứng 1 phần nhu cầu đi lại, vận chuyển hàng hóa phục vụ sản xuất của nhân dân.

5.3. Hạ tầng cung cấp năng lượng

5.3.1. Cấp điện

- Nguồn điện: Xã được cấp điện từ trạm biến áp 110kV Phú Lương 110/35/22 kV, công suất máy 2x40MVA, Pmax 50MW.

- Lưới điện cao thế:

+ Tuyến 220kV: Gồm 02 tuyến là Tuyến 220kV Bắc Kạn - Thái Nguyên lộ 272 E26.5 trạm 220kV Bắc Kạn - 275 E6.2 trạm 220kV Thái Nguyên; tuyến Thủy điện Bắc Mê - Thái Nguyên lộ 271A23.33 Thủy điện Bắc Mê - 274 E6.2 trạm 220kV Thái Nguyên (theo nguồn cung cấp của Truyền tải điện Đông Bắc 3).

+ Tuyến 110kV: Tuyến 110kV Thái Nguyên – Phú Lương – NR Định Hoá.

- Trạm biến áp: Hiện có 51 trạm biến áp cấp điện sinh hoạt và sản xuất của người dân trên địa bàn xã.

- Hệ thống điện đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của ngành điện, cán bộ điện lực thường xuyên kiểm tra sửa chữa các lưới điện, phát quang an toàn hành lang lưới điện, lắp đặt điện kế mới, thay thế các điện kế cũ không an toàn cho các hộ dân.

- Tỷ lệ người dân sử dụng điện lưới quốc gia đạt 100%.

5.3.2. Hiện trạng cung cấp xăng dầu

Trên địa bàn xã không có hệ thống đường ống truyền tải và kho chứa xăng dầu lớn, có 7 cửa hàng bán xăng dầu do Sở Công Thương cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu.

5.4. Cấp nước

Trên địa bàn xã đang sử dụng nguồn nước từ hệ thống công trình nước tự chảy và giếng khoan, đào; tỷ lệ dân nông thôn được sử dụng nước sạch hợp vệ sinh đạt khoảng trên 98%.

Mạng lưới đường ống cấp nước hiện trạng có đường kính từ D100 đến D400. Trong đó tuyến ống chính có đường kính từ D400 đến D150 chạy dọc theo Quốc lộ 3.

5.5. Hiện trạng hạ tầng viễn thông thụ động

Hoạt động bưu chính, viễn thông phát triển tốt, đáp ứng nhu cầu thông tin liên lạc của tổ chức và nhân dân trong địa bàn xã Yên Trạch.

a) Bưu cục: Xã Yên Trạch có 04 bưu cục. Hiện nay dịch vụ chính chủ yếu cung cấp là phát hàng thu tiền (COD Cash On Delivery), phục vụ thương mại điện tử. Các dịch vụ truyền thống như gửi thư, phát hành báo, dịch vụ chuyển phát nhanh chiếm tỷ trọng hạn chế và ngày càng thu hẹp.

b) Viễn thông:

- Hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động:

+ Hiện trạng hệ thống cống, bể cáp và cột treo cáp, nhà trạm và cột ăng ten: Hiện tại, Hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động tại xã Yên Trạch, tỉnh Thái Nguyên chưa được ngầm hóa. Cáp treo dọc theo cột điện lực, gây mất mỹ quan và tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn, đặc biệt trong mùa mưa bão. Các tuyến cáp viễn thông được treo dọc trục chính như: QL3, QL3C và đường HCM trên địa bàn. Trạm BTS: Hiện trạng có 15 trạm BTS.

+ Tuy nhiên, địa phương đang triển khai kế hoạch chỉnh trang và bó gọn cáp treo nhằm cải thiện mỹ quan và đảm bảo an toàn

+ Hệ thống bưu chính viễn thông trên địa bàn xã Yên Trạch đã được trang bị hiện đại, công nghệ cao và chất lượng tương đối đồng bộ.

+ Thuê bao điện thoại di động đối với người trưởng thành đạt 98%. thuê bao Internet cáp quang hộ gia đình đạt 90%.

- Thông tin: xã đã lắp đặt đài truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông (truyền thanh thông minh), gồm các thiết bị như: máy tính, micro,

cum loa truyền thanh, bộ thu phát truyền thanh Internet sử dụng sim viễn thông 3G, 4G để thu phát chương trình...); khắc phục được các nhược điểm về độ phủ sóng, góp phần đưa thông tin tuyên truyền đến người dân nhanh và chính xác nhất.

5.6. Hiện trạng thoát nước thải và vệ sinh môi trường.

a) Nước thải: Chưa có hệ thống thoát nước thải. Nước thải của các hộ dân trong xã phần lớn đã được xử lý từ bể tự hoại của từng hộ, sau đó một số hộ thải ra vườn và thấm thấu xuống đất, một số thải ra mương hiện có và cống thoát nước chung.

b) Chất thải rắn: Nguồn phát sinh chất thải rắn của khu vực chủ yếu là rác thải sinh hoạt của khu dân cư, khu trường học, chợ ... và chất thải phế liệu xây dựng. Đã đầu tư xây dựng các điểm thu gom tập kết chung chuyên rác thải ở 1 vài vị trí: Tại xóm Trung và xóm An Thắng... chất thải rắn sau khi được thu gom, vận chuyển và được xử lý theo quy định.

c) Nghĩa trang: Khu vực xã chưa có nghĩa trang tập trung, hiện có các nghĩa trang rải rác trong các khu dân cư theo từng xóm.

5.7. Hạ tầng thủy lợi

Hiện trạng khu vực lập quy hoạch có 07 công trình thủy lợi (trong đó: 06 hồ chứa, 01 đập dâng) do Công ty TNHH MTV Khai thác Thủy lợi Thái Nguyên quản lý; 50 công trình thủy lợi (trong đó: 31 hồ chứa, 14 đập dâng, 05 trạm bơm) do địa phương quản lý theo Quyết định số 769/QĐ-UBND ngày 09/4/2024 của UBND tỉnh Thái Nguyên.

III. ĐỘNG LỰC, TIỀM NĂNG

1. Động lực phát triển

- Vị trí: Xã có vị trí thuận lợi để phát triển: Có QL3, QL3C, đường Hồ Chí Minh đi qua tạo lợi thế kết nối xã Yên Trạch với trung tâm tỉnh và các khu vực lân cận. Các tuyến đường này đóng vai trò quan trọng trong thúc đẩy giao thương, vận chuyển nông sản - hàng hóa, đồng thời thu hút đầu tư phát triển phát triển công nghiệp, dịch vụ, thương mại và du lịch về nguồn. Đây là một trong những động lực quan trọng góp phần phát triển kinh tế - xã hội và nâng cao đời sống người dân địa phương.

- Công nghiệp: Dự kiến trên địa bàn quy hoạch cụm công nghiệp Yên Ninh (mở rộng lên 52,6ha), CCN Bằng Ninh (42ha). Đây là tiềm năng và lợi thế rất lớn trên địa bàn, động lực phát triển kinh tế, thu hút lao động trong xã và khu vực lân cận, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao.

- Nông nghiệp: Xã có thế mạnh Nông – Lâm nghiệp (diện tích nhóm đất nông nghiệp là 9.908,15 ha, chiếm 87,86% tổng diện tích đất tự nhiên): Rừng trồng, cây chè, sản phẩm OCOP.

- Lâm nghiệp: Sản phẩm chế biến từ gỗ bước đầu hình thành chuỗi sản xuất nâng cao giá trị.

- Phát triển du lịch, dịch vụ thương mại: Hiện nay trong khu vực lập quy hoạch có các di tích cấp quốc gia, cấp tỉnh đã được công nhận. Ngoài ra xã thuộc vùng ATK. Đây là một trong những mắt xích điểm du lịch Văn hóa - Lịch sử - Tâm linh hấp dẫn của tỉnh.

Bên cạnh đó, khu vực lập quy hoạch có cảnh quan sinh thái Nông - Lâm nghiệp, đây là động lực phát triển homestay, ẩm thực, tour trải nghiệm trồng rừng, chế biến chè...

2. Tiềm năng phát triển của xã

- **Về vị trí:** Khu quy hoạch nằm ở vị trí có các tuyến giao thông huyết mạch đi qua: đường Hồ Chí Minh, QL3, QL3C... hơn nữa xã nằm trong hành lang kinh tế Cao Bằng – Bắc Kạn – Thái Nguyên – Hà Nội. Vì vậy xã Yên Trạch có lợi thế kết nối về kinh tế - văn hoá – xã hội – quốc phòng, an ninh trong tỉnh Thái Nguyên và vùng Trung du và Miền núi phía Bắc.

- Tiềm năng về tài nguyên thiên nhiên đến phát triển kinh tế xã hội

+ Đất đai, địa hình: Việc hợp nhất 3 xã tạo ra một khu vực có quy mô lớn hơn, giàu nguồn lực và có địa hình tương đối thuận lợi, tạo điều kiện thuận lợi cho việc phân bổ nguồn lực, quản lý tập trung, và thu hút các dự án đầu tư quy mô lớn, thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội dài hạn.

+ Thủy văn: Xã có sông Chợ Chu chảy qua ở phía Bắc, ngoài ra có các tuyến kênh mương, cung cấp nguồn nước đảm bảo cho sản xuất và sinh hoạt.

+ Cảnh quan sinh thái nông - lâm đa dạng, là tiềm năng khai thác các hình thức du lịch sinh thái.

- Hệ thống hạ tầng kỹ thuật cấp quốc gia, vùng, tỉnh trên địa bàn: Xã Yên Trạch nằm ở vị trí có các trục giao thông huyết mạch đi qua: Quốc lộ 3, Quốc lộ 3C, đường Hồ Chí Minh, quy hoạch đường vành đai II... mạng lưới giao thông thuận lợi cho việc lưu thông và phát triển kinh tế - xã hội của xã.

- Lĩnh vực kinh tế: Xã có cơ cấu kinh tế đa dạng: Phát triển cụm công nghiệp Yên Ninh, Bằng Ninh, tiểu thủ công nghiệp, phát triển nông lâm nghiệp... là tiềm năng và lợi thế rất lớn đối với xã, tạo điều kiện phát triển nguồn nhân lực, phát triển các ngành nghề dịch vụ phụ trợ, thu hút nhiều lao động. Trên địa bàn xã hiện có 06 sản phẩm OCOP (4 sản phẩm 3 sao, 2 sản phẩm 4 sao) được công nhận, các sản phẩm đều có nguồn gốc từ thế mạnh sản xuất tại địa phương, mang đặc trưng vùng và có khả năng mở rộng thị trường. Một số sản phẩm đã tiếp cận được các kênh phân phối ngoài tỉnh, mở ra cơ hội phát triển.

- Văn hóa xã hội

+ An sinh xã hội và quốc phòng: Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội tiếp tục được ổn định và giữ vững; nhiệm vụ quốc phòng quân sự địa phương được thực hiện tốt, tạo môi trường sống và đầu tư an toàn, ổn định.

+ Tiềm năng về định hướng phát triển và thu hút nguồn lực: Các chính sách hỗ trợ từ tỉnh Thái Nguyên tạo ra triển vọng lớn, giúp xã trở thành điểm sáng trong khu vực. Mục tiêu rõ ràng: Mục tiêu được xác định cụ thể trong Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã nhiệm kỳ 2025-2030: Xác định phát triển nông nghiệp làm trọng tâm, đặc biệt quan tâm phát triển cây chè, cây lúa nếp vải và phát triển rừng; quan tâm chú trọng phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ; bảo tồn và phát huy giá trị bản sắc văn hoá truyền thống của dân tộc; phấn đấu xây dựng xã Yên Trạch từng bước phát triển, phấn đấu đạt xã nông thôn mới trước năm 2030 (*theo bộ tiêu chí quốc gia mới về xã nông thôn mới*).

3. Những vấn đề chính cần giải quyết trong quy hoạch

- Kết nối không gian:

Khi sáp nhập đơn vị hành chính cấp xã, ranh giới hành chính, cơ cấu dân cư, mạng lưới hạ tầng kỹ thuật – xã hội và định hướng quy hoạch đều bị thay đổi. Điều này ảnh hưởng trực tiếp đến kết nối không gian trong xã và với các đơn vị hành chính cấp xã tiếp giáp:

+ Mất tính liên tục và đồng bộ của hệ thống hạ tầng (mỗi xã cũ có mạng lưới giao thông, cấp thoát nước, điện... riêng; sau sáp nhập xảy ra tình trạng thiếu đồng bộ, chưa phù hợp với hạ tầng vùng giáp ranh);

+ Diện tích xã được mở rộng, khoảng cách từ trung tâm xã mới đến các trung tâm xã lân cận tương đối lớn, khiến việc đi lại giữa các khu vực trở nên khó khăn hơn và ảnh hưởng đến việc tiếp cận các dịch vụ công cộng. Vì vậy định hướng phát triển không gian đảm bảo tính liên tục và đồng bộ của hệ thống hạ tầng các xã Yên Ninh, Yên Trạch, Yên Đỗ cũ, khớp nối không gian trong xã

và với các đơn vị hành chính cấp xã tiếp giáp (Chợ Mới, Phú Lương, Phượng Tiến, Trung Hội, Hợp Thành):

- Định hướng hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

+ Kết nối hạ tầng kỹ thuật: Hiện tại tuyến Yên Ninh – Yên Trạch – Phú Tiến phần lớn chiều dài tuyến chất lượng đường xuống cấp nghiêm trọng, gây ảnh hưởng đến việc kết nối phát triển. Vì vậy cần có phương án cụ thể nâng cấp tuyến đường giao thông đối ngoại, tạo động lực phát triển cho khu vực.

+ Hình thành các tuyến giao thông mới đảm bảo định hướng liên kết với các vùng động lực phát triển khu vực phía Bắc và khu vực trung tâm hành chính của Tỉnh.

+ Rà soát, quy hoạch cao độ không chế cho các khu chức năng, tính toán ảnh hưởng của biến đổi khí hậu; chọn mô hình hệ thống thoát nước mưa, xác định các lưu vực thoát nước chính, kết cấu mạng lưới cống và mương trong khu vực xây dựng tập trung.

+ Xác định các nguồn cung cấp điện nước, thông tin liên lạc, xác định quy mô đảm bảo nhu cầu phục vụ cho toàn xã Yên Trạch tuân thủ theo tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành.

+ Về quy hoạch thoát nước thải, thu gom và xử lý chất thải rắn, nghĩa trang: Xác định chỉ tiêu và dự báo công suất thoát nước thải, chất thải rắn, nhu cầu đất nghĩa trang; định hướng hệ thống thu gom và xử lý nước thải, chất thải rắn, nghĩa trang và nhà tang lễ và giải pháp thoát lũ cho xã .

- **Xác định khu vực tập trung xây dựng:** Cần xác định vị trí trung tâm hành chính xã Yên Trạch đảm bảo quy mô, khoảng cách phục vụ cho dân cư. Rà soát, sắp xếp, quản lý chặt chẽ các cơ sở hành chính, tài sản công sau sát nhập theo hướng hiệu quả, chống lãng phí. Trong đó ưu tiên chuyển đổi chức năng sang các chức năng công cộng phục vụ người dân (y tế, giáo dục, văn hoá, TDTT...). Hoàn thiện quy hoạch sử dụng đất an ninh sau khi thực hiện mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.

- **Đề xuất chiến lược phát triển:** Xây dựng các chiến lược phát triển cho xã Yên Trạch trên cơ sở mô hình phát triển toàn vùng và cấu trúc phát triển các khu vực.

Bảo tồn và phát huy giá trị cảnh quan tự nhiên đẹp: Khu vực ven sông Chu, các suối..., tạo hành lang sinh thái, dải cây xanh bao quanh khu dân cư.

Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp, du lịch, phát huy hiệu quả lợi thế tài nguyên rừng, gắn với phát triển du lịch sinh thái, du lịch trải nghiệm, du lịch sinh thái gắn với sản phẩm OCOP (điển hình là sản phẩm chè và lúa nếp vải).

- Phát triển kinh tế xã hội, an sinh xã hội:

+ Chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng hàng hóa, ứng dụng khoa học kỹ thuật, tăng năng suất và giá trị.

+ Phát triển lâm nghiệp bền vững, gắn với bảo vệ rừng, chứng chỉ rừng, khai thác và chế biến lâm sản hợp lý.

+ Thúc đẩy du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái gắn với văn hóa bản địa, sản phẩm OCOP, du lịch về nguồn gắn với vùng ATK và các di tích đã được xếp hạng: Di tích lịch sử địa điểm tổ chức lớp huấn luyện đầu tiên và đóng quân của trường cán bộ cung cấp (1951-1954), tiền thân của Học viện hậu cần và di tích Đình Kẽm, di tích Đền Cấm, nơi thành lập Kho quân dược Liên khu Việt Bắc (tiền thân của Kho 708 Cục Quân y) ngày 01/5/1951, khu di tích viện 108.

+ Hạn chế tình trạng lao động rời địa phương, thiếu việc làm ổn định.

- **Giải quyết vấn đề phòng chống thiên tai:** đề xuất các giải pháp về hạ tầng kỹ thuật, quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật ứng phó với thiên tai, biến đổi khí hậu giảm thiểu lũ quét.

IV. DỰ BÁO PHÁT TRIỂN

1. Dự báo phát triển kinh tế - xã hội

- Giai đoạn đến năm 2030:

+ Phân đầu tốc độ tăng tổng giá trị sản phẩm trên địa bàn xã bình quân hàng năm đạt 10% trở lên;

+ Tốc độ tăng tổng thu ngân sách nhà nước không bao gồm tiền thu sử dụng đất tăng bình quân từ 10%/năm trở lên;

+ Cơ bản đạt xã nông thôn mới hiện đại.

+ Có 06 sản phẩm OCOP đạt 3 sao trở lên;

+ Thu nhập bình quân đầu người đến năm 2030 so với năm 2025 tăng trên 38%, đạt từ 68 triệu đồng/người/năm trở lên;

+ Phân đầu đến năm 2030 cơ bản không còn hộ nghèo.

- Đến năm 2045:

+ Phân đầu tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân giai đoạn 2031 – 2045 đạt khoảng 8–9%/năm; cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng giảm tỷ trọng nông nghiệp truyền thống, tăng mạnh tỷ trọng dịch vụ, công nghiệp chế biến và kinh tế số.

+ Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tăng trưởng ổn định, bình quân đạt từ 9–10%/năm; hình thành các nguồn thu bền vững từ sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, công nghiệp chế biến, thương mại – dịch vụ và logistics.

+ Phát triển hệ thống sản phẩm OCOP theo chiều sâu, có từ 10–12 sản phẩm đạt từ 3 sao trở lên, trong đó có sản phẩm đạt 4 sao, hướng tới xây dựng thương hiệu nông sản đặc trưng gắn với chế biến và thị trường xuất khẩu.

+ Thu nhập bình quân đầu người tăng trưởng bền vững, đạt khoảng 120–150 triệu đồng/người/năm; đời sống vật chất và tinh thần của người dân được nâng cao rõ rệt, tiệm cận mức sống khu vực đô thị.

2. Dự báo dân số, lao động

- Dự báo dân số xã Yên Trạch đến năm 2045 khoảng 31.600 người.

| TT | Hạng mục | Dân số hiện trạng 2025 (người) | Dự kiến số dân đến 2045 (người) |
|----|---|--------------------------------|---------------------------------|
| | Tổng dân số hiện trạng | 21.148 | |
| 1 | Số dân tăng tự nhiên: Dự báo Tỷ lệ tăng tự nhiên đến 2045:0,9% ¹ | | 4.152 |
| 2 | Dân số tăng cơ học: dân cư từ nơi khác đến nhập cư tại các khu dân cư mới... | | 3.500 |
| 3 | Dân tạm trú quy đổi: Lực lượng vũ trang, khách du lịch, khách đến làm việc, Hội nghị, hội thảo, lao động trong các xưởng sản xuất, hợp tác xã..., lao động con lăc v.v. | | 2.800 |
| | Dự báo Tổng số dân quy hoạch đến năm 2045 | | 31.600 |

Nguồn: Thuyết minh nhiệm vụ quy hoạch chung xã Yên Trạch, tỉnh Thái Nguyên đến năm 2045

- Dự báo lao động: chiếm 70% dân số; tỷ lệ lao động qua đào tạo: đạt trên 75%, trong đó bằng cấp chứng chỉ đạt từ 38% trở lên.

V. ĐỊNH HƯỚNG TỔ CHỨC KHÔNG GIAN

1. Cấu trúc tổ chức không gian

Hình thành cấu trúc không gian theo mô hình: “01 trục động lực chính – 02 hành lang phát triển – 03 khu vực động lực”, cụ thể như sau:

- Trục động lực trung tâm (Bắc – Nam): Phát triển dọc theo Quốc lộ 3, là trục xương sống của toàn xã, tập trung các hoạt động phát triển chính như: đô thị hóa, thương mại – dịch vụ, phát triển dân cư và các đầu mối hạ tầng kỹ thuật. Đây là trục kết nối liên vùng, giữ vai trò dẫn dắt và lan tỏa phát triển không gian.

- Hành lang phát triển phía Tây: Hình thành dọc theo tuyến Đường Hồ Chí Minh, định hướng phát triển các cụm công nghiệp, lâm nghiệp, kinh tế rừng, du lịch sinh thái và một số khu vực sản xuất kinh doanh, chế biến, gắn với khai thác lợi thế địa hình đồi núi và tài nguyên tự nhiên

- Hành lang liên kết phía Tây Nam – Đông Nam: Phát triển theo tuyến ĐT.263D (dự kiến) kết hợp với hệ thống đường liên xã và đường vành đai 2, đóng vai trò tăng cường liên kết nội vùng, đồng thời tạo quỹ đất phát triển mới cho các khu sản xuất, cụm công nghiệp và các khu dân cư tập trung.

- Ba khu vực động lực phát triển:

¹ Theo Dự báo Quy hoạch tỉnh Thái Nguyên đã phê duyệt năm 2026.

+ **Khu vực trung tâm xã:** Là hạt nhân phát triển của toàn xã, tập trung các chức năng: trung tâm hành chính – chính trị, văn hóa – thể thao; trung tâm thương mại – dịch vụ; đồng thời phát triển các khu dân cư tập trung, khu ở mới và khu tái định cư. Đây là khu vực có mức độ đô thị hóa cao nhất, đóng vai trò điều phối và lan tỏa phát triển.

+ Khu vực công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp: Phân bố chủ yếu tại khu vực Bằng Ninh – Yên Ninh, định hướng phát triển công nghiệp chế biến nông – lâm sản, sản xuất vật liệu xây dựng và khai thác, chế biến khoáng sản (kẽm, chì, đá vôi). Đây là khu vực động lực về phát triển kinh tế, tạo việc làm và chuyển dịch cơ cấu lao động.

+ Khu vực nông nghiệp công nghệ cao và chăn nuôi tập trung: Phân bố tại các khu vực các xóm như: Thanh Đồng, Làng Muông, Bắc Bé, Thượng, Trung... với định hướng phát triển nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp sinh thái; tổ chức chăn nuôi tập trung quy mô lớn, an toàn sinh học; gắn sản xuất với chế biến và chuỗi giá trị. Đồng thời hình thành các vùng sản xuất chuyên canh (như vùng chè) theo hướng hiện đại, hiệu quả và bền vững.

2. Định hướng các chức năng của xã

2.1. Khu trung tâm xã:

- Vị trí: Tại xóm Phố Trào.

- Quy mô: khoảng 9,03 ha.

- Tính chất: Là khu vực hạt nhân, trung tâm tổng hợp về hành chính – chính trị, kinh tế và văn hóa – xã hội của toàn xã. Tập trung các công trình công cộng cấp xã như trụ sở UBND, văn hóa, sân vận động và các thiết chế văn hóa. Đồng thời phát triển các khu dân cư tập trung, khu tái định cư, khu ở mới và các không gian thương mại – dịch vụ. Khu vực này đóng vai trò điều phối phát triển, thúc đẩy đô thị hóa và nâng cao chất lượng sống của người dân.

- Dự kiến các hạng mục đầu tư: Đầu tư xây dựng mới với các hạng mục: Trụ sở các cơ quan xã (4,2 ha), Trung tâm văn hóa xã (2,26 ha), sân vận động xã (2,57 ha).

2.2. Khu dân cư

Bao gồm hệ thống các điểm dân cư hiện hữu và các khu dân cư phát triển mới, phân bố dọc theo các trục giao thông chính và khu vực trung tâm. Cụ thể:

- Cải tạo, chỉnh trang các khu dân cư hiện trạng theo hướng nâng cao chất lượng hạ tầng và môi trường sống;

- Phát triển các khu dân cư mới, khu tái định cư tại các xóm Bằng Ninh, Na Hiên, Yên Đổ, trung tâm xã...

- Tổ chức không gian ở theo mô hình tập trung, tiết kiệm đất, gắn với hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội đồng bộ.

- Khu dân cư giữ vai trò nền tảng ổn định xã hội, cung cấp nguồn lao động và gắn kết các chức năng khác trong không gian toàn xã.

Bảng 2: Khu tái định cư, dân cư mới dự kiến

| STT | Hạng mục | Vị trí | Diện tích (ha) |
|-----|---------------------------------|---------------|----------------|
| 1 | Dự án khu tái định cư Bằng Ninh | Xóm Bằng Ninh | 10,49 |
| 2 | Dự án khu dân cư Na Hiên | Xóm Na Hiên | 18,9 |
| 3 | Dự án khu dân cư Yên Đổ | Xóm Làng | 7,33 |
| 4 | Dự án khu dân cư trung tâm xã | Xóm Phố Trào | 18,69 |
| 5 | Dự án khu dân cư Đá Mài | Xóm Đá Mài | 21,61 |
| 6 | Dự án khu dân cư Phố Trào | Xóm Phố Trào | 15,55 |
| | Tổng | | 92,57 |

2.3. Khu vực sản xuất kinh doanh, thương mại dịch vụ

Phân bố tại các khu vực có lợi thế giao thông như Phố Trào, Gia Trống, Làng Muông, Bằng Ninh..., gắn với các trục giao thông chính. Chức năng chủ yếu gồm: Phát triển thương mại – dịch vụ, trung tâm giao thương; Các cơ sở sản xuất kinh doanh quy mô vừa và nhỏ (chế biến gỗ, năng lượng sinh khối, sản xuất hàng hóa địa phương); Dịch vụ hỗ trợ sản xuất và đời sống dân cư. Đây là khu vực kết nối sản xuất với thị trường, tạo động lực phát triển kinh tế tại chỗ.

Bảng 3: Định hướng khu vực sản xuất kinh doanh trên địa bàn xã

| STT | Hạng mục | Vị trí | Diện tích (ha) |
|-----|---|----------------------------------|----------------|
| 1 | Dự án sản xuất kinh doanh chế biến gỗ Làng Muông | Xóm Làng Muông, xã Yên Ninh (cũ) | 1,24 |
| 2 | Dự án sản xuất kinh doanh chế biến gỗ Gia Thủy | Xóm Làng Muông, xã Yên Ninh (cũ) | 2,97 |
| 3 | Dự án sản xuất kinh doanh Làng Muông số 2 | Xóm Làng Muông, xã Yên Ninh (cũ) | 0,91 |
| 4 | Dự án sản xuất kinh doanh Xuân Huy | Xóm Suối Bốc, xã Yên Ninh (cũ) | 1,65 |
| 5 | Dự án sản xuất kinh doanh chế biến gỗ Yên Hùng | Xóm Bằng Ninh, xã Yên Ninh (cũ) | 2,24 |
| 6 | Dự án sản xuất kinh doanh Đồng Phủ 1 | Xóm Đồng Phủ 1, xã Yên Ninh (cũ) | 1,45 |
| 7 | Dự án sản xuất kinh doanh Suối Bén 1 | Xóm Suối Bén, xã Yên Ninh (cũ) | 1,35 |
| 8 | Dự án sản xuất kinh doanh Năng Lượng Sinh Khối Yên Ninh | Xóm Đồng Danh, xã Yên Ninh (cũ) | 2,33 |
| 9 | Dự án sản xuất kinh doanh Haptech | Xóm Yên Phú, xã Yên Ninh (cũ) | 0,44 |
| 10 | Dự án sản xuất kinh doanh Đồng Quốc | Xóm Đồng Quốc, xã Yên Trạch (cũ) | 2,1 |
| 11 | Dự án sản xuất kinh doanh Khau Đu | Xóm Khau Đu, xã Yên Trạch (cũ) | 6 |
| 12 | Dự án sản xuất kinh doanh Bài Kình | Xóm Bài Kình, xã Yên Trạch (cũ) | 0,26 |
| 13 | Dự án sản xuất kinh doanh Đá Mài | Xóm Đá Mài, xã Yên | 2,8 |

| STT | Hạng mục | Vị trí | Diện tích (ha) |
|-----|---------------------------------------|--------------------------------|----------------|
| | | Đồ (cũ) | |
| 14 | Dự án thương mại dịch vụ Gia Trống | Xóm Gia Trống, xã Yên Đồ (cũ) | 21 |
| 15 | Dự án sản xuất kinh doanh Suối Bén 2 | Xóm Suối Bén, xã Yên Ninh (cũ) | 1,37 |
| 16 | Dự án thương mại dịch vụ Na Mây | Xóm Na Mây, xã Yên Trạch (cũ) | 0,28 |
| 17 | Dự án Thương mại dịch vụ xóm Phố Trào | Xóm Phố Trào, xã Yên Đồ (cũ) | 1,39 |
| | Tổng | | 49,78 |

2.4. Vùng sản xuất nông nghiệp

Là không gian sản xuất chủ lực của xã, phân bố tại các khu vực như Bắc Bé, Đồng Kem, Thanh Đồng, Làng Muông, Na Mây, Na Hiên, Thượng, Trung,...

Định hướng: Phát triển nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp sinh thái; Chăn nuôi tập trung quy mô lớn, an toàn sinh học; Hình thành vùng chuyên canh (chè, chăn nuôi, cây trồng chủ lực); Gắn với chế biến và chuỗi giá trị. Đây là khu vực cung cấp nguyên liệu, đảm bảo phát triển bền vững và sinh kế cho người dân.

Bảng 4: Định hướng vùng sản xuất nông nghiệp

| STT | Hạng mục | Vị trí | Diện tích (ha) |
|-----|--|-------------------------------------|----------------|
| 1 | Dự án Đầu tư nuôi lợn công nghệ cao Phú Thái | Xóm Bắc Bé, xã Yên Ninh (cũ) | 85,43 |
| 2 | Dự án nông nghiệp công nghệ cao Làng Muông | Xóm Làng Muông, xã Yên Ninh (cũ) | 152,13 |
| 3 | Dự án nông nghiệp công nghệ cao Khe Nhe | Xóm Làng Muông, xã Yên Ninh (cũ) | 13,44 |
| 4 | Dự án nông nghiệp công nghệ cao Đồng Quốc | Xóm Đồng Quốc, xã Yên Trạch (cũ) | 10,42 |
| 5 | Khu trồng chè tập trung số 1 | Xóm Na Mây, xã Yên Trạch (cũ) | 9 |
| 6 | Khu trồng chè tập trung số 2 | Xóm Na Mây, xã Yên Trạch (cũ) | 7,7 |
| 7 | Khu trồng chè tập trung số 3 | Xóm Na Mây, xã Yên Trạch (cũ) | 9,5 |
| 8 | Dự án nông nghiệp công nghệ cao xóm Thượng | Xóm Thượng, xã Yên Đồ (cũ) | 51,84 |
| 9 | Dự án nông nghiệp công nghệ cao xóm Khe Nác | Xóm Khe Nác, xã Yên Đồ (cũ) | 30,31 |
| 10 | Dự án nông nghiệp công nghệ cao Yên Trạch | Xóm Trung, Phố Trào, xã Yên Đồ (cũ) | 45 |
| 11 | Dự án nông nghiệp công nghệ cao Thanh Đồng | Xóm Thanh Đồng, xã Yên Đồ (cũ) | 57,6 |
| | Tổng | | 472,37 |

2.5. Khu sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và khai thác khoáng sản

Phân bố tập trung tại khu vực Bằng Ninh – Yên Ninh và các điểm có tài nguyên khoáng sản (Suối Bén, Cuội Nắc, Khe Nác...). Chức năng: Phát triển các cụm công nghiệp (CCN Yên Ninh, CCN Bằng Ninh); Công nghiệp chế biến nông – lâm sản, sản xuất vật liệu xây dựng; Khai thác, chế biến khoáng sản (chì, kẽm, đá vôi); Tiểu thủ công nghiệp địa phương.

Đây là khu vực động lực tăng trưởng, thúc đẩy công nghiệp hóa và chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

Bảng 5: Định hướng Khu sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và khai thác khoáng sản

| STT | Hạng mục | Vị trí | Diện tích (ha) |
|-----|---|--|----------------|
| 1 | CCN Yên ninh | Xóm Bắc Bé, xã Yên Ninh (cũ) | 52,6 |
| 2 | Dự án CCN Bằng Ninh | Xóm Đồng Kem, Đồng Phủ 1,2, xã Yên Ninh (cũ) | 42 |
| 3 | Điểm mỏ chì kẽm Cuội Nắc 1 | Xóm Suối Bốc, xã Yên Ninh (cũ) | 2,08 |
| 4 | Điểm mỏ chì kẽm Cuội Nắc 2 | Xóm Đồng Danh, xã Yên Ninh (cũ) | 1,56 |
| 5 | Dự án mỏ đá vôi Suối Bén | Xóm Suối Bén, xã Yên Ninh (cũ) | 6,96 |
| 6 | Dự án khu vực đề xuất xây dựng Xưởng tuyển nổi chì kẽm cuội nắc và công trình phụ trợ phục vụ khai thác | Xóm Khe Nác, xã Yên Đổ (cũ) | 6,52 |
| 7 | Khu khai thác khoáng sản Mỏ kẽm chì Cuội Nắc | Xóm Khe Nác, xã Yên Đổ (cũ) | 4,06 |
| 8 | Dự án mở rộng Nhà máy gạch Vạn Phát | Xóm Thượng, xã Yên Đổ (cũ) | 8,18 |
| | Tổng cộng | | 123,96 |

2.6. Khu công trình công cộng

a) Nguyên tắc tổ chức

- Kế thừa mạng lưới công trình hiện trạng của 03 xã, giữ ổn định các cơ sở đã đầu tư, đồng thời nâng cấp, mở rộng theo tiêu chí nông thôn mới.

- Đảm bảo bán kính phục vụ hợp lý, phân bố đều, thuận lợi tiếp cận cho người dân.

b) Trường học:

- Trường mầm non: Giữ ổn định hệ thống các trường, các điểm trường hiện có. Nâng cấp, cải tạo cơ sở vật chất. Bổ sung phòng học, phòng chức năng (âm nhạc, tin học). Từng bước xóa điểm trường nhỏ lẻ, hướng tới tập trung hóa. Xây mới trường mầm non Yên Đổ tại xóm Phố Trào.

- Trường tiểu học: Giữ nguyên các trường, điểm trường hiện có. Cải tạo,

nâng cấp phòng học, sân trường. Hoàn thiện công trình phụ trợ (vệ sinh, nhà hiệu bộ). Đầu tư trang thiết bị dạy học hiện đại.

- Trường trung học cơ sở: Duy trì các trường hiện có. Xây dựng bổ sung phòng học bộ môn. Hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật, cảnh quan. Nâng cao chất lượng đạt chuẩn quốc gia.

- Trường THPT: Duy trì Trường THPT tại khu vực Bằng Ninh với quy mô khoảng 1,4 ha. Định hướng nâng cấp cơ sở vật chất, đáp ứng nhu cầu học sinh toàn xã và khu vực lân cận.

c) Công trình y tế

Duy trì trạm y tế và các điểm trạm hiện có. Quy hoạch mới cơ sở khám chữa bệnh (Bệnh viện đa khoa khu vực) khoảng 1 ha tại xóm Đá Mài. Nâng cấp trang thiết bị, cơ sở vật chất, tăng cường năng lực khám chữa bệnh ban đầu. Hướng tới phục vụ liên xã, giảm tải tuyến trên.

d) Công trình văn hóa, thể thao

- Trung tâm văn hóa – thể thao xã: Bố trí tại khu trung tâm xã mới. Xây dựng hội trường đa năng, thư viện, phòng chức năng, kết hợp không gian sinh hoạt cộng đồng, vui chơi, thể thao.

- Nhà văn hóa – khu thể thao thôn: Giữ nguyên và nâng cấp hệ thống nhà văn hóa hiện có. Mở rộng, xây mới tại các xóm chưa đạt chuẩn, kết hợp sân thể thao, không gian sinh hoạt cộng đồng. Phát triển các điểm vui chơi cho trẻ em, người cao tuổi. Tiêu chuẩn Nhà văn hóa: $\geq 100 - 200 \text{ m}^2/\text{điểm}$; Khu thể thao, vui chơi: $\geq 200 - 300 \text{ m}^2/\text{điểm}$.

e) Công trình thương mại, chợ:

- Duy trì và nâng cấp, mở rộng các chợ hiện có: Chợ Na Hiên khoảng 0,4 ha; chợ Bằng Ninh (mở rộng) khoảng 0,8 ha. Cải tạo, mở rộng không gian kinh doanh; bổ sung hạ tầng bãi đỗ xe, vệ sinh môi trường

- Thu hút đầu tư các điểm thương mại – dịch vụ tại khu trung tâm xã và trực chính.

f) Công trình bưu chính, viễn thông

- Duy trì các điểm bưu điện. Nâng cấp thành điểm bưu chính – văn hóa đa chức năng;

- Phát triển hạ tầng viễn thông, cáp quang đến 100% thôn xóm. Bổ sung các trạm phát sóng, phục vụ chuyển đổi số.

2.7. Các khu vực cần bảo tồn

- Công trình di tích: có 05 di tích lịch sử được xếp hạng:

+ 01 Di tích cấp quốc gia tại xóm Hạ: Di tích lịch sử địa điểm tổ chức lớp huấn luyện đầu tiên và đóng quân của trường cán bộ cung cấp (1951-1954), tiền thân của Học viện hậu cần;

+ 04 di tích lịch sử cấp tỉnh gồm: Di tích Đình Kém: là nơi thờ danh tướng Dương Tự Minh, được đón Bác Hồ về thăm vào năm 1951; di tích Đền Cắm; Nơi thành lập Kho quân dực Liên khu Việt Bắc (tiền thân của Kho 708 Cục Quân y) ngày 01/5/1951; Khu di tích viện 108.

- Bảo tồn cảnh quan sinh thái, vùng nông nghiệp đặc trưng, không gian làng xóm, nhằm đảm bảo phát triển hài hòa giữa bảo tồn và phát triển, giữ gìn bản sắc và nâng cao chất lượng sống.

2.8. Khu an ninh - quốc phòng

- Các khu vực an ninh, quốc phòng trên địa bàn xã Yên Trạch được xác định là không gian chức năng đặc thù, phải được quản lý và bảo vệ nghiêm ngặt theo quy định của pháp luật, hạn chế tối đa các hoạt động xây dựng và sử dụng đất không phù hợp, bảo đảm không làm ảnh hưởng đến nhiệm vụ quốc phòng, an ninh. Việc tổ chức không gian và khai thác quỹ đất xung quanh các khu vực này cần được xem xét thận trọng, bảo đảm hài hòa với định hướng phát triển kinh tế – xã hội chung của địa phương.

- Quỹ đất quốc phòng, đặc biệt tại các khu vực địa hình loại I, loại II, được ưu tiên phục vụ nhiệm vụ quân sự, quốc phòng nhằm tránh chồng lấn chức năng và tác động tiêu cực đến yêu cầu sẵn sàng chiến đấu, huấn luyện và xây dựng lực lượng.

3. Xác định quy mô sử dụng đất quy hoạch

Quy mô sử dụng đất đến năm 2045 là 11.276,22 ha, cụ thể dưới bảng sau

Bảng 6: Quy hoạch sử dụng đất 2025-2045

| BẢNG THỐNG KÊ QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT XÃ YÊN TRẠCH | | | | | | |
|---|---|------------------------|------------------|-----------------------|------------------|-----------------------|
| STT | CHỨC NĂNG SỬ DỤNG ĐẤT | HIỆN TRẠNG 2025 | | QUY HOẠCH 2045 | | |
| | | DIỆN TÍCH (ha) | TỶ LỆ (%) | DIỆN TÍCH (ha) | TỶ LỆ (%) | BIẾN ĐỘNG (+-) |
| | Tổng diện tích | 11.276,22 | 100,00 | 11.276,22 | 100,00 | 0,00 |
| I | Đất nông nghiệp | 9.908,15 | 0,88 | 9.358,57 | 82,99 | -549,58 |
| 1 | Đất trồng lúa | 874,06 | 7,75 | 775,57 | 6,88 | -98,49 |
| 2 | Đất trồng trọt khác | 1.492,05 | 13,23 | 984,16 | 8,73 | -507,89 |
| 3 | Đất rừng sản xuất | 6.296,92 | 55,84 | 5.936,88 | 52,65 | -360,04 |
| | <i>Trong đó: Đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i> | | | | | 0,00 |
| 4 | Đất rừng phòng hộ | 944,23 | 8,37 | 944,23 | 8,37 | 0,00 |
| 5 | Đất nuôi trồng thủy sản | 300,89 | 2,67 | 275,00 | 2,44 | -25,89 |
| 6 | Đất nông nghiệp khác | | | 442,73 | 3,93 | 442,73 |

| | | | | | | |
|-----------|--|-----------------|-------------|-----------------|--------------|---------------|
| II | Đất xây dựng | 1.124,87 | 9,98 | 1.703,40 | 15,11 | 578,53 |
| 1 | Đất ở | 461,54 | 4,09 | 549,92 | 4,88 | 88,38 |
| 2 | Đất công cộng | 22,89 | 0,20 | 35,38 | 0,31 | 12,49 |
| 3 | Đất cây xanh, thể dục, thể thao | 2,88 | 0,03 | 5,65 | 0,05 | 2,78 |
| 4 | Đất tôn giáo, danh lam thắng cảnh, di tích, đình đền | 1,51 | 0,01 | 8,33 | 0,07 | 6,82 |
| 5 | Đất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và làng nghề | 1,03 | 0,01 | 95,57 | 0,85 | 94,54 |
| 6 | Đất khoáng sản và sản xuất vật liệu xây dựng | 9,33 | 0,08 | 26,24 | 0,23 | 16,91 |
| 7 | Đất xây dựng các chức năng khác | 1,05 | 0,01 | 45,92 | 0,41 | 44,87 |
| 8 | Đất hạ tầng kỹ thuật | 292,08 | 2,59 | 600,99 | 5,33 | 308,91 |
| 8,1 | Đất giao thông | 276,15 | 2,45 | 408,40 | 3,62 | 132,25 |
| 8,2 | Đất xử lý chất thải rắn | 0,14 | 0,00 | 0,49 | 0,00 | 0,35 |
| 8,3 | Đất nghĩa trang, nghĩa địa | 15,22 | 0,13 | 115,31 | 1,02 | 100,09 |

| | | | | | | |
|------------|--|---------------|-------------|---------------|-------------|---------------|
| 8,4 | <i>Đất hạ tầng kỹ thuật khác</i> | 0,57 | 0,01 | 76,79 | 0,68 | 76,22 |
| 9 | <i>Đất hạ tầng phục vụ sản xuất</i> | 72,99 | 0,65 | 71,07 | 0,63 | -1,92 |
| 10 | <i>Đất quốc phòng, an ninh</i> | 259,57 | 2,30 | 264,32 | 2,34 | 4,75 |
| III | Đất khác | 243,20 | 2,16 | 214,25 | 1,90 | -28,95 |
| 1 | <i>Đất sông ngòi, kênh rạch, suối & mặt nước chuyên dùng</i> | 159,82 | 1,42 | 159,82 | 1,42 | 0,00 |
| 2 | <i>Đất chưa sử dụng</i> | 83,38 | 0,74 | 54,43 | 0,48 | -28,95 |

4. Định hướng kiến trúc cảnh quan

Phát triển kiến trúc cảnh quan theo hướng đồng bộ, hiện đại, hài hòa với tự nhiên, phù hợp đặc trưng địa hình trung du miền núi. Bảo tồn và phát huy các giá trị cảnh quan sinh thái, văn hóa truyền thống; tạo dựng bản sắc riêng cho không gian nông thôn mới. Tổ chức không gian kiến trúc gắn với các trục giao thông, khu chức năng và điểm dân cư, đảm bảo phát triển bền vững, thích ứng biến đổi khí hậu.

- Khu trung tâm xã: Tổ chức không gian kiến trúc theo hướng tập trung, hiện đại, tạo điểm nhấn cho toàn xã. Các công trình hành chính, văn hóa, y tế, giáo dục được thiết kế đồng bộ, có hình thức kiến trúc trang nhã, phù hợp điều kiện địa phương. Bố trí quảng trường, sân trung tâm, cây xanh, mặt nước, tạo không gian sinh hoạt cộng đồng. Khuyến khích kiến trúc thấp tầng, mật độ hợp lý, có khoảng lùi và không gian mở.

- Khu dân cư: Cải tạo, chỉnh trang khu dân cư hiện hữu theo hướng không gian xanh – sạch – đẹp, giữ gìn cấu trúc làng xóm truyền thống. Phát triển khu dân cư mới theo mô hình tập trung, hạ tầng đồng bộ, kiến trúc hài hòa, thống nhất. Khuyến khích sử dụng vật liệu địa phương, mái dốc, màu sắc thân thiện với cảnh quan tự nhiên. Tăng cường cây xanh trong khuôn viên hộ gia đình, hàng rào xanh, đường hoa.

- Khu thương mại – dịch vụ: Tổ chức không gian kiến trúc theo hướng mở, linh hoạt, tiếp cận thuận tiện từ các trục giao thông chính (đặc biệt dọc Quốc lộ 3 và khu trung tâm). Hình thành các cụm công trình thương mại – dịch vụ tập trung (chợ, trung tâm dịch vụ, cửa hàng tổng hợp), kết hợp không gian quảng trường nhỏ, bãi đỗ xe và cây xanh.

- Khu công trình công cộng: Tổ chức không gian theo hướng tập trung thành cụm, tạo thành các trung tâm công cộng cấp xã và cấp thôn. Kiến trúc công trình thiết kế trang trọng, hài hòa, mang tính nhận diện cao (đặc biệt với trụ sở hành chính, trung tâm văn hóa); bố cục rõ ràng, dễ tiếp cận, phù hợp với điều kiện sử dụng thực tế; Khuyến khích sử dụng vật liệu địa phương, kết hợp yếu tố kiến trúc truyền thống.

- Khu sản xuất kinh doanh và công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp: Bố trí tách biệt với khu dân cư, đảm bảo khoảng cách ly vệ sinh môi trường. Kiến trúc công trình theo hướng đơn giản, hiệu quả, thân thiện môi trường. Tổ chức dải cây xanh cách ly, giảm thiểu tác động đến cảnh quan và môi trường xung quanh. Kiểm soát hình thức kiến trúc, biển quảng cáo dọc các trục giao thông chính.

- Vùng sản xuất nông nghiệp: Giữ gìn cảnh quan đặc trưng của vùng nông nghiệp (đồi chè, cánh đồng, trang trại). Kết hợp phát triển mô hình nông nghiệp sinh thái – nông nghiệp trải nghiệm. Hạn chế xây dựng công trình kiên cố xen cài làm phá vỡ cảnh quan. Tổ chức hệ thống đường nội đồng, kênh mương hài hòa với địa hình.

VI. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT XÃ

1. Chuẩn bị kỹ thuật

- Xã Yên Trạch sau sáp nhập có địa hình mang đặc trưng của vùng trung du miền núi phía Bắc, với tổng diện tích tự nhiên lên tới 112,76km², hình thành từ ba đơn vị xã cũ là Yên Ninh, Yên Đổ và Yên Trạch. Toàn bộ địa bàn nằm trong lưu vực sông Yên Trạch và sông Chợ Chu và suối nhỏ, với địa hình phổ biến là đồi núi thấp đến trung bình xen kẽ các thung lũng hẹp và dải đất bằng ven suối. Phần lớn diện tích phía Đông và Đông Nam có độ cao lớn, dốc dần về phía Bắc và Tây Bắc nơi tập trung các khu dân cư và đất canh tác nông nghiệp. Do ảnh hưởng của hệ thống suối và nhánh sông nhỏ chảy qua địa bàn với lòng dẫn hẹp, độ dốc lớn, vào mùa mưa thường phát sinh lũ quét và ngập úng cục bộ tại các thung lũng và khu vực dân cư ven suối. Vì vậy, định hướng quy hoạch cao độ nền được gắn chặt với nhiệm vụ kiểm soát lũ, tiêu thoát nước và ổn định nền đất xây dựng cho toàn khu vực.

- Các giải pháp quy hoạch cao độ nền tập trung vào những nội dung chủ yếu sau: Cải tạo, điều chỉnh dòng chảy các tuyến thoát nước chính trên lưu vực sông Yên Trạch và sông Chợ Chu và các suối trong khu vực kết hợp nạo vét bồi lắng, gia cố bờ kè tại các đoạn chạy qua khu vực trung tâm xã và khu dân cư tập trung. Các điểm dân cư ven suối có cao độ nền thấp được định hướng cải tạo, tôn nền từng bước, bảo đảm cao hơn mực nước lũ thiết kế tần suất P = 10%; những vùng ruộng trũng, đất canh tác thấp giữa các đồi được xem xét duy trì vai trò điều tiết lũ tạm thời, góp phần giảm tải áp lực thoát nước cho khu vực hạ lưu.

- Đối với khu vực trung tâm xã mới, các điểm xây dựng dân dụng, dịch vụ công cộng và khu dân cư tập trung, cao độ nền được xác định bám theo địa hình tự nhiên hiện hữu, ưu tiên giải pháp san gạt cục bộ nhằm giảm thiểu khối lượng đào đắp, hạn chế chi phí đầu tư và tránh xáo trộn lớn đến cấu trúc đất nền tự nhiên. Việc xác định cao độ nền được kiểm soát bảo đảm phù hợp với mực nước thiết kế tại từng khu vực theo từng tần suất lũ tương ứng.

Trong quá trình triển khai quy hoạch, cần ưu tiên bảo tồn địa hình tự nhiên, đặc biệt là các sườn đồi có độ dốc ổn định, các dải rừng đầu nguồn và thung lũng cảnh quan sinh thái. Công tác san nền phải được thực hiện đồng bộ với hệ thống đường giao thông và thoát nước, bảo đảm duy trì độ dốc dọc tối thiểu 0,4% cho hệ thống tiêu thoát nước tự chảy.

Bảng 7: Lựa chọn chu kỳ lặp lại trận mưa tính toán, trận mưa thiết kế

| TT | Tiêu chuẩn quy hoạch | Sông chính | Sông nhánh, suối, kênh mương chính | Kênh mương nhánh, công thoát nước chính | Công nhánh |
|----|-------------------------------|--|--|--|------------|
| 1 | Chu kỳ lặp trận mưa tính toán | 50-100 năm và có tính đến lượng mưa tăng do BĐKH | 10 năm và có tính đến lượng mưa tăng do BĐKH | 10 năm cho các Khu công nghiệp; 5 năm cho các đô thị, các cụm công | 2 năm |

| TT | Tiêu chuẩn quy hoạch | Sông chính | Sông nhánh, suối, kênh mương chính | Kênh mương nhánh, cống thoát nước chính | Cống nhánh |
|----|----------------------|--|------------------------------------|---|------------|
| | | | | nghiệp | |
| 2 | Lượng mưa tính toán | 310mm ² ngày cho các khu, cụm công nghiệp; 280mm ² ngày cho các khu vực khác | | | |

- Cấp độ bảo vệ của xã ứng với tần suất mưa tính toán $P \leq 10\%$

2. Định hướng thoát nước mặt

a) Hệ thống thoát nước:

Đối với các khu dân cư hiện hữu trên địa bàn xã Yên Trạch, trong giai đoạn trước mắt tiếp tục vận hành hệ thống thoát nước chung hoặc nửa riêng hiện có; đồng thời từng bước đầu tư cải tạo, nâng cấp hệ thống nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao về quản lý thoát nước và bảo vệ môi trường. Trên các tuyến cống chung, bố trí giếng tách nước để thu gom nước thải sinh hoạt, dẫn về các điểm xử lý tập trung; nước sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia mới được xả ra nguồn tiếp nhận là hệ thống sông Yên Trạch, Sông Chợ Chu và các khe suối trong khu vực.

Tại các khu vực xây dựng mới và khu dân cư điểm được quy hoạch tập trung, áp dụng nguyên tắc thoát nước riêng hoàn toàn, tách biệt nước mưa và nước thải sinh hoạt ngay từ giai đoạn thiết kế hạ tầng. Ưu tiên sử dụng hệ thống cống ngầm bảo đảm khả năng tiêu thoát triệt để, phòng ngừa ngập úng cục bộ trong mùa mưa lũ. Song song với đó, thực hiện thường xuyên công tác nạo vét, khơi thông và điều chỉnh dòng chảy các mương, khe, suối tự nhiên phân bố trên địa bàn nhằm duy trì và nâng cao năng lực thoát nước tự nhiên của toàn lưu vực.

b) Mạng lưới và kết cấu cống thoát nước mưa:

- Hệ thống thoát nước mưa trên địa bàn xã Yên Trạch được tổ chức vận hành theo nguyên tắc tự chảy là chủ đạo, tận dụng địa hình đồi núi dốc tự nhiên để dẫn nước nhanh về nguồn tiếp nhận, hạn chế tối đa tình trạng đọng nước và úng ngập cục bộ. Mạng lưới cống được tổ chức phân cấp theo lưu vực, chia thành các nhánh thu nước nhỏ trên từng tiểu lưu vực rồi tập trung dần về các tuyến cống chính thoát ra hệ thống khe suối, hồ tự nhiên và cuối cùng đổ vào sông Yên Trạch, Sông Chợ Chu và các suối thoát nước. Lưu lượng thiết kế được tính toán theo phương pháp cường độ mưa giới hạn, hệ số dòng chảy xác định theo phương pháp trung bình gia quyền phù hợp với đặc điểm sử dụng đất hỗn hợp nông thôn — đồi rừng. Việc đầu nối cống tuân thủ nguyên tắc ngang đỉnh, chiều sâu chôn cống tối thiểu 0,70 m tính từ mặt đất hoàn thiện.

- Kết cấu cống được lựa chọn linh hoạt theo điều kiện địa hình và tính kinh tế — kỹ thuật của từng khu vực: khu vực xây dựng tập trung và trung tâm xã ưu tiên cống tròn bê tông cốt thép; khu dân cư nông thôn phân tán sử dụng mương xây có nắp đan hoặc mương xây hở; vị trí cống qua đường giao thông áp dụng cống tròn hoặc cống hộp BTCT tùy khẩu độ yêu cầu. Kích thước cống trong đô

án mang tính định hướng, sẽ được tính toán chính xác và điều chỉnh phù hợp trong các bước thiết kế kỹ thuật triển khai tiếp theo.

c) Lưu vực thoát nước

Căn cứ vào đặc điểm địa hình, hướng dốc địa mạo và phân bố mạng lưới khe suối trên địa bàn xã Yên Trạch sau sáp nhập, toàn xã được phân chia thành 04 lưu vực thoát nước chính như sau:

- Lưu vực 1 phía Đông Bắc: Bao gồm phần lớn diện tích trải dài từ vùng đồi núi và trung du thuộc lưu vực thoát nước chính của sông Yên Trạch và sông Chợ Chu. Hướng dốc chủ yếu tập trung về sông Yên Trạch và sông Chợ Chu. Do diện tích rộng và địa hình dốc, lưu vực này hình thành dòng chảy mặt lớn trong các trận mưa tập trung, tiềm ẩn nguy cơ lũ quét, xói mòn sườn đồi và bồi lấp lòng suối hạ lưu. Trên các tuyến đường dọc sườn đồi, cần bố trí mương hở hoặc mương có nắp đan để thu gom và dẫn thoát nước nhanh; đồng thời triển khai các giải pháp ổn định taluy như trồng cỏ, kè rọ đá và bảo vệ mái dốc bằng vật liệu phù hợp.

Lưu vực 2 phía Tây Bắc: Địa hình dạng đồi thấp lượn sóng xen kẽ ruộng canh tác. Nước mưa thoát theo hướng từ Đông sang Tây qua hệ thống mương ruộng và suối nhỏ. Dòng chảy phân tán, tốc độ từ thấp đến trung bình; có thể phát sinh ngập úng tạm thời tại các ô ruộng trũng, cần duy trì vai trò điều tiết lũ tự nhiên của khu vực này.

Lưu vực 3 phía Tây Nam: Địa hình dạng đồi thoải xen kẽ ruộng canh tác. Nước mưa thoát theo hướng từ Đông Bắc xuống Tây Nam qua hệ thống mương ruộng và suối nhỏ. Dòng chảy phân tán, tốc độ từ thấp đến trung bình; có thể phát sinh ngập úng tạm thời tại các ô ruộng trũng, cần duy trì vai trò điều tiết lũ tự nhiên của khu vực này.

Lưu vực 4 phía Nam và Đông Nam: Giáp ranh với các xã lân cận, địa hình kết hợp giữa đồi trung bình và thung lũng rộng. Hướng thoát nước chủ yếu về phía Nam và Đông Nam theo các nhánh khe suối. Lưu vực có diện tích tập trung nước khá lớn, dòng chảy tập trung nhanh trong mùa mưa; cần ưu tiên chỉnh trị và nạo vét định kỳ các tuyến suối chính, kết hợp bảo vệ hành lang thoát lũ, tránh bị lấn chiếm xây dựng. Phương pháp tính toán hệ thống thoát nước mưa cụ thể tại phụ lục

3. Hành lang bảo vệ sông suối

Hành lang bảo vệ sông suối trên địa bàn xã Yên Trạch được xác định và quản lý theo quy định tại Quyết định số 3460/QĐ-UBND ngày 06/11/2017 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt Danh mục các nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ trên địa bàn tỉnh. Theo đó, phạm vi hành lang bảo vệ đối với các nguồn nước chính chảy qua địa bàn xã được xác định cụ thể như sau:

- Hành lang bảo vệ sông Yên Trạch mỗi bên: 20 m
- Hành lang bảo vệ sông Chợ Chu mỗi bên: 15 m
- Hành lang bảo vệ các khe, suối nhánh nội địa mỗi bên: 10 m

Tại các đoạn sông, suối đi qua khu vực có công trình đê điều, đường giao thông hoặc các hạ tầng kỹ thuật khác dọc bờ, phạm vi tối đa của hành lang bảo vệ nguồn nước không được vượt quá chỉ giới hành lang bảo vệ đê về phía lòng sông hoặc hành lang an toàn của các công trình đê về phía bờ; ưu tiên áp dụng phạm vi hành lang hẹp hơn khi hành lang công trình đã có hiệu lực quản lý.

Đối với các đoạn sông, suối, kênh mương trên địa bàn chưa thuộc danh mục nêu trên, việc xác định và quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước thực hiện theo quy định tại Điều 21 Luật Tài nguyên nước năm 2023, trong đó phạm vi tối thiểu không nhỏ hơn 10 m tính từ mép bờ đối với đoạn chảy qua đô thị, khu dân cư tập trung hoặc được quy hoạch xây dựng khu dân cư tập trung; không nhỏ hơn 5 m tính từ mép bờ đối với đoạn chảy qua khu vực nông thôn, đồi núi không thuộc khu dân cư tập trung. Trường hợp các đoạn khe suối có nguy cơ sạt lở bờ, UBND tỉnh Thái Nguyên sẽ căn cứ diễn biến thực tế để quyết định điều chỉnh phạm vi hành lang bảo vệ phù hợp nhằm bảo đảm an toàn tính mạng, tài sản của nhân dân và ổn định lòng dẫn

4. Giao thông

4.1. Giao thông đối ngoại

- Tuyến đường Hồ Chí Minh: Kết nối từ QL3 đi Tuyên Quang, theo quy hoạch tỉnh là đường cấp III-II đoạn qua xã Yên Trạch được định hướng lộ giới 62,5m cụ thể như sau:

- + Lòng đường: 2x7,5m
- + Dải phân cách: 1,5m
- + Lê đường: 2x3m
- + Hành lang an toàn và đất bảo vệ, bảo trì: 2x20m

- Tuyến đường QL3: Kết nối Hà Nội đến Cao Bằng. Theo quy hoạch tỉnh là đường cấp III đoạn qua xã Yên Trạch được định hướng lộ giới 42m cụ thể như sau:

- + Lòng đường: 2x3,5m
- + Lê đường: 2x2,5m
- + Hành lang an toàn và đất bảo vệ, bảo trì: 2x15m

- Tuyến đường QL3C: Bắt đầu từ đường QL3 đến Tuyên Quang. Theo quy hoạch tỉnh là đường cấp IV đoạn qua xã Yên Trạch được định hướng lộ giới 29m cụ thể như sau:

- + Lòng đường: 2x3,5m
- + Lê đường: 2x1m
- + Hành lang an toàn và đất bảo vệ, bảo trì: 2x10m

- Tuyến đường vành đai 2: Điểm đầu từ đường QL3 đến đoạn giao đường cao tốc CT.07 đi Bắc Ninh, đường cấp III, định hướng đoạn đi qua khu vực

nghiên cứu có lộ giới là 42m cụ thể như sau:

+ Lòng đường: 2x3,5m

+ Lê đường: 2x2,5m

+ Hành lang an toàn và đất bảo vệ, bảo trì: 2x15m

- Tuyến đường tỉnh 263D: Kết nối đường QL3 đến đường tỉnh ĐT.263, đường cấp III miền núi, định hướng đoạn đi qua khu vực nghiên cứu có lộ giới là 40m cụ thể như sau:

+ Lòng đường: 2x3,5m

+ Lê đường: 2x1,5m

+ Hành lang an toàn và đất bảo vệ, bảo trì: 2x15m

- Tuyến đường liên xã 82: Điểm đầu từ QL3 kết nối sang xã Hợp Thành, đường cấp IV miền núi, định hướng đoạn qua khu vực nghiên cứu có lộ giới là 27,5m cụ thể như sau:

+ Lòng đường: 2x3m

+ Lê đường: 2x1m

+ Hành lang an toàn và đất bảo vệ, bảo trì: 2x10m

- Tuyến đường liên xã 83: Điểm đầu từ đường vành đai 2 đến điểm cuối giao với đường liên xã 82A, đường cấp IV miền núi, định hướng đoạn qua khu vực nghiên cứu có lộ giới là 28m cụ thể như sau:

+ Lòng đường: 2x3m

+ Lê đường: 2x1m

+ Hành lang an toàn và đất bảo vệ, bảo trì: 2x10m

- Tuyến đường liên xã 82A: Điểm đầu từ đường QL3 đến điểm cuối giao với đường vành đai 2, đường cấp IV miền núi, định hướng đoạn qua khu vực nghiên cứu có lộ giới là 28m cụ thể như sau:

+ Lòng đường: 2x3m

+ Lê đường: 2x1m

+ Hành lang an toàn và đất bảo vệ, bảo trì: 2x10m

- Tuyến đường liên xã 87: Điểm đầu từ đường tỉnh ĐT.263D đến điểm cuối giao với đường liên xã 82, đường cấp IV miền núi, định hướng đoạn qua khu vực nghiên cứu có lộ giới là 28m cụ thể như sau:

+ Lòng đường: 2x3m

+ Lê đường: 2x1m

+ Hành lang an toàn và đất bảo vệ, bảo trì: 2x10m

4.2. Giao thông đối nội

4.2.1. Đường liên thôn

Đường liên thôn hiện đang được thực hiện và tiếp tục xây dựng nâng cấp, cải tạo định hướng đảm bảo tiêu chuẩn đường cấp V đồng bằng hoặc đường cấp A nông thôn.

4.2.2. Đường trục xóm

Quy hoạch hệ thống giao thông trục xóm, liên xóm mở rộng nền đường tối thiểu rộng 5m, mặt đường rộng 3,5m, kết cấu mặt đường bê tông xi măng, quy hoạch mở rộng nền đường và nâng cấp đảm bảo yêu cầu tiêu chí cứ 200m đến 300m có một điểm tránh xe ô tô.

4.2.3. Đường ngõ

Quy hoạch hệ thống giao thông ngõ xóm có nền đường rộng 4,0 m, mặt đường 3,0 m, kết cấu mặt đường bê tông xi măng, đảm bảo cứ 200 đến 300m có một điểm tránh xe ô tô.

4.2.4. Hệ thống cầu cống

Hiện trạng các công trình cầu, cống trên địa bàn còn thiếu, không đáp ứng được nhu cầu đi lại, vận chuyển hàng hóa phục vụ sản xuất của nhân dân. Trong giai đoạn tiếp theo cần nâng cấp, xây dựng mới để phục vụ nhu cầu đi lại trong tương lai.

5. Cấp điện

5.1. Nguồn cấp

- Nguồn điện cấp cho xã Yên Trạch được lấy từ trạm điện 110kV Phú Lương định hướng đến năm 2030 nâng cấp công suất trạm điện từ 2x40MVA lên 2x63MVA.

5.2. Lưới điện

- Mạng lưới điện cao thế:

- Giữ nguyên hai tuyến điện cao thế 220kV Bắc Kạn (cũ) – Thái Nguyên và tuyến 110kV Thái Nguyên – Phú Lương – NR Định Hóa.

+ Đảm bảo hành lang an toàn lưới điện cao thế với cấp điện 220kV và 110kV lần lượt là 6m và 4m mỗi bên tính từ đường dây ngoài cùng.

+ Đất xây dựng trạm biến áp dự kiến tuân thủ theo đúng QCVN 01/2021/BXD (đối với trạm biến áp 110/22kV diện tích không quá 1ha).

- Mạng lưới điện trung thế:

+ Giai đoạn đầu: Tiến hành cải tạo, nâng cấp và giữ nguyên mạng lưới điện trung thế hiện có, từng bước chuyển đổi ngầm hóa lưới điện và điện áp từ 35kV sang lưới điện 22kV ngầm hóa theo lộ trình phù hợp.

+ Giai đoạn sau: Tiến hành cải tạo hạ ngầm và xây dựng các xuất tuyến mới sau trạm biến áp 110/22kV để cấp điện cho khu quy hoạch. Lưới điện cải tạo và xây dựng mới phải đảm bảo an toàn và mỹ quan đô thị. Tại khu vực đô thị hóa sử dụng cáp ngầm với cáp lõi đồng có cách điện cao phân tử (XLPE-24kV).

+ Điện chiếu sáng công cộng: Chiếu sáng công cộng tại các khu dân cư (trên các tuyến đường làng ngõ xóm) và chiếu sáng giao thông tại khu vực trung tâm xã. Điện chiếu sáng công cộng sử dụng hệ thống cột đèn chiếu sáng 1 bên dọc theo các tuyến giao thông chính ở các khu vực tập trung dân cư. Đèn chiếu sáng đường phố sử dụng đèn LED để tiết kiệm năng lượng. Khuyến khích sử dụng các nguồn năng lượng tái tạo để chiếu sáng.

6. Cấp nước và phòng cháy chữa cháy

6.1. Cấp nước

- Nguồn nước: Dự kiến sẽ được lấy từ nhà máy nước Phú Lương 2 với công suất dự kiến 3000m³/ngđ.

- Mạng lưới cấp nước:

Mạng lưới đường ống cấp nước trên địa bàn xã Yên Trạch được quy hoạch bám theo hệ thống giao thông hiện có và theo quy hoạch, tổ chức thành các vòng khép kín tại khu vực trung tâm xã và các khu dân cư tập trung; các tuyến ống nhánh dạng cụt được chấp nhận tại khu dân cư phân tán xa trung tâm. Đường ống phân phối chính sử dụng ống nhựa HDPE có đường kính D100–D300 mm, vừa đảm bảo cấp nước sinh hoạt vừa phục vụ chữa cháy cho hệ thống họng cứu hỏa dọc các trục đường chính. Chiều sâu đặt ống tối thiểu 0,7 m tính từ mặt đất hoàn thiện; tất cả các tuyến ống được bố trí dọc theo hành lang giao thông để thuận tiện cho công tác kiểm tra, bảo dưỡng và sửa chữa khi cần thiết. Cấu trúc mạng lưới được tổ chức thành nhiều tiểu khu cấp nước hoạt động tương đối độc lập trong điều kiện vận hành bình thường, nhưng có liên kết với nhau để có thể hỗ trợ lẫn nhau khi có đột biến về nhu cầu sử dụng hoặc xảy ra sự cố trên một đoạn tuyến. Do địa bàn xã Yên Trạch có địa hình đồi núi phức tạp, chênh lệch cao độ lớn giữa các khu vực, mạng lưới cấp nước cần được phân vùng áp lực hợp lý; tại các khu vực có địa hình cao hoặc áp lực và lưu lượng bị suy giảm so với yêu cầu, bố trí bổ sung trạm bơm tăng áp cục bộ. Mạng lưới cấp nước được thiết kế theo từng giai đoạn, mở rộng dần phù hợp với công suất khai thác và tiến độ đầu tư hạ tầng của từng giai đoạn quy hoạch. Đối với các khu dân cư hiện hữu, việc cải tạo, nâng cấp đường ống cấp nước cần thực hiện đồng bộ với việc đầu nối, tích hợp hệ thống ống cũ vào mạng lưới mới, đảm bảo duy trì liên tục lưu lượng và áp lực cấp nước trong suốt quá trình thi công cải tạo, không để gián đoạn cấp nước cho người dân.

6.2. Phòng cháy chữa cháy

Lực lượng và cơ sở phòng cháy chữa cháy, cứu nạn cứu hộ (PCCC và CNCH) phục vụ địa bàn xã Yên Trạch được bố trí tại khu trung tâm xã mới, đảm bảo bán kính phục vụ theo quy định; vị trí và quy mô cụ thể của trụ sở đội PCCC sẽ được xác định trong giai đoạn lập quy hoạch chi tiết. Hệ thống giao thông phục vụ chữa cháy trên địa bàn xã phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu kỹ thuật theo QCVN 06:2022/BXD: chiều rộng thông thủy mặt đường cho xe chữa cháy tối thiểu 3,5 m; trên các tuyến đường hẹp chỉ đủ một làn xe, cứ tối đa 100 m phải bố trí đoạn mở rộng rộng tối thiểu 7 m, dài tối thiểu 8 m; chiều cao thông

thủy tối thiểu 4,5 m. Trường hợp đường hoặc bãi đỗ xe chữa cháy dạng cụt có chiều dài trên 46 m phải bố trí bãi quay xe đúng quy định; mặt đường phải đảm bảo khả năng chịu tải phù hợp với xe chữa cháy chuyên dụng của lực lượng PCCC.

Hệ thống thông tin liên lạc phục vụ PCCC và CNCH trên địa bàn xã được xây dựng đồng bộ, kết nối thông suốt với hệ thống chỉ huy ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn từ cấp trung ương đến xã và cơ sở; tích hợp với cơ sở dữ liệu nghiệp vụ của ngành Công an và các cơ quan liên quan, đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số trong lĩnh vực PCCC. Lưu lượng nước chữa cháy và số lượng đám cháy đồng thời được tính toán xác định phù hợp với quy mô và tính chất khu vực theo quy định tại QCVN 06:2022/BXD và các tiêu chuẩn PCCC hiện hành.

Nguồn nước chữa cháy được đảm bảo từ hệ thống cấp nước tập trung kết hợp tận dụng các nguồn nước mặt sẵn có trên địa bàn như sông Đu, sông Chợ Chu, các hồ đập thủy lợi và ao hồ tự nhiên phân bố rải rác trên địa bàn xã. Tại các vị trí lấy nước phải có đường tiếp cận cho xe chữa cháy, chiều sâu mực nước so với mặt đất không quá 4 m và chiều dày lớp nước tối thiểu 0,5 m. Dọc theo các tuyến đường giao thông chính, bố trí họng lấy nước chữa cháy (trụ nổi hoặc họng ngầm) với khoảng cách từ 120–150 m; khoảng cách từ họng đến tường nhà tối thiểu 5 m, khoảng cách từ họng đến mép đường tối đa 2,5 m, đảm bảo xe chữa cháy tiếp cận và vận hành thuận lợi.

Mạng đường ống cấp nước chữa cháy ngoài nhà được tổ chức theo dạng mạch vòng; cho phép sử dụng đường ống cụt để cấp nước chữa cháy khi chiều dài không vượt quá 200 m. Áp lực tự do tại điểm bất lợi nhất của mạng lưới chữa cháy áp lực thấp không nhỏ hơn 10 m tính từ mặt đất; chiều dài vòi rồng dẫn nước chữa cháy tối đa 150 m; đường kính ống cấp nước chữa cháy ngoài nhà không nhỏ hơn 100 mm.

Đối với các xóm dân cư có đường giao thông hẹp, chưa thể lắp đặt họng hoặc trụ nước chữa cháy, hoặc chưa có hệ thống cấp nước tập trung — đây là thực tế phổ biến tại nhiều khu vực nông thôn phân tán của xã Yên Trạch — cần bố trí bể chứa nước dự phòng chữa cháy theo hướng dẫn của cơ quan Cảnh sát PCCC và CNCH có thẩm quyền. Các thông số kỹ thuật về đường kính ống cấp nước nêu trên mang tính định hướng, sẽ được tính toán chính xác và điều chỉnh phù hợp trong các bước triển khai tiếp theo.

7. Thoát nước và xử lý nước thải

a) Nguyên tắc thu gom nước thải:

- Thu gom nước thải sinh hoạt đạt 80% tiêu chuẩn cấp nước sinh hoạt và công nghiệp, thương mại.
- Nước thải y tế phải được phân loại (Nước nhiễm bẩn, nước không nhiễm bẩn, nước độc hại...) trước khi thu gom và có giải pháp xử lý riêng.
- Nước thải sinh hoạt khu vực trung tâm, đô thị và chức năng khác phải được thu

gom xử lý riêng đảm bảo các quy định hiện hành về môi trường.

- Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải phải được thu gom, vận chuyển bằng xe chuyên dụng đến các cơ sở xử lý chất thải rắn. Bùn thải có chứa các chất gây hại từ hệ thống xử lý nước thải phải được thu gom, vận chuyển riêng bằng xe chuyên dụng đến các điểm xử lý tập trung chất thải rắn gây hại.

b) Nguyên tắc bố trí khoảng cách an toàn về môi trường của trạm bơm, trạm xử lý nước thải:

- Trong khoảng cách ATVMT phải trồng cây xanh với chiều rộng tối thiểu $\geq 10\text{m}$.

- Đối với loại trạm bơm nước thải sử dụng máy bơm thả chìm đặt trong giếng ga kín thì không cần khoảng cách ATVMT, nhưng phải có ống thông hơi xả mùi hôi (xả ở cao độ $\geq 3\text{m}$).

c) Phương án quy hoạch thoát nước thải:

- Quy hoạch các nhà máy xử lý nước thải tập trung

Dự kiến quy hoạch 4 trạm xử lý nước thải tập trung tại các khu vực tập trung dân cư.

- Hệ thống mạng lưới cống và trạm bơm

Nước thải sinh hoạt được thu gom và dẫn tự chảy theo hệ thống cống thoát nước bố trí dọc các tuyến đường giao thông, hướng về các trạm xử lý nước thải tập trung của từng khu vực. Chiều sâu chôn cống tối thiểu 0,5 m tính từ mặt đất hoàn thiện; tại các vị trí địa hình thấp trũng hoặc chiều sâu chôn cống vượt quá 3,0 m, bố trí trạm bơm chuyển tiếp để đưa nước thải lên cao trình phù hợp trước khi tiếp tục dẫn về trạm xử lý. Hệ thống cống thoát nước thải sử dụng công tròn bê tông cốt thép đường kính D300–D500, độ dốc tối thiểu $i = 1/d$, bảo đảm khả năng tự làm sạch lòng cống. Tuyến ống áp lực sau trạm bơm sử dụng ống HDPE, bố trí 02 ống song song để dự phòng vận hành khi có sự cố, chôn sâu tối thiểu 1,0 m đảm bảo an toàn kỹ thuật. Trạm bơm chuyển tiếp áp dụng công nghệ máy bơm nhúng chìm kiểu ướn; phần nhà trạm được xây chìm dưới mặt đất, có thể kết hợp với giếng thăm kỹ thuật để tiết kiệm diện tích đất và đảm bảo mỹ quan khu vực. Kích thước đường kính cống thoát nước thải nêu trên mang tính định hướng, sẽ được tính toán chính xác và điều chỉnh phù hợp trong các bước thiết kế kỹ thuật tiếp theo tùy theo quy mô thực tế triển khai và nhu cầu phát triển của từng khu vực.

- Khu vực dân cư hiện hữu: Đối với các khu dân cư hiện trạng dọc các tuyến đường có mặt cắt ngang đủ rộng, tiến hành đầu tư xây dựng mới hệ thống cống thoát nước thải riêng biệt, thu gom nước thải sinh hoạt dẫn vào mạng lưới thoát nước thải chung của xã hoặc về các trạm xử lý phân tán bố trí phù hợp với địa hình và quy mô từng cụm dân cư. Ưu tiên triển khai tại khu vực trung tâm xã và các điểm dân cư tập trung có mật độ cao.

- Khu vực dân cư xa trung tâm và phân tán: Do đặc điểm địa bàn xã Yên Trạch có diện tích rộng, nhiều xóm dân cư nằm sâu trong các thung lũng hoặc trên sườn đồi

cách xa trung tâm, các khu vực này chủ yếu áp dụng hệ thống thoát nước chung trong giai đoạn trước mắt. Giải pháp kỹ thuật cụ thể được lựa chọn linh hoạt tùy theo địa hình, mật độ dân số và điều kiện kinh tế của từng cụm xóm, có thể kết hợp bể tự hoại hộ gia đình với hồ sinh học hoặc bãi lọc ngầm quy mô nhỏ phù hợp với điều kiện nông thôn miền núi.

- Khu vực xây dựng mới: Tại các khu dân cư tập trung và khu vực xây dựng mới theo quy hoạch, áp dụng hệ thống thoát nước thải riêng hoàn toàn. Nước thải sinh hoạt từ từng hộ gia đình và công trình phải được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại ba ngăn đúng quy cách trước khi đầu nối vào mạng lưới công thoát nước thải chung; sau đó toàn bộ nước thải được thu gom và dẫn về trạm xử lý nước thải tập trung của khu vực để xử lý đạt quy chuẩn trước khi xả ra nguồn tiếp nhận là hệ thống khe suối, sông Đu hoặc sông Chợ Chu.

- Nước thải y tế: Nước thải phát sinh từ trạm y tế xã và các cơ sở khám chữa bệnh trên địa bàn phải được xử lý cục bộ đạt giới hạn A theo QCVN 28:2010/BTNMT trước khi đầu nối vào hệ thống thoát nước chung, tuyệt đối không được xả thẳng ra môi trường khi chưa qua xử lý.

- Nước thải sản xuất và chăn nuôi: Nước thải từ các cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp, làng nghề và khu chăn nuôi tập trung trên địa bàn xã phải được thu gom vào hệ thống thoát nước riêng, xử lý đạt yêu cầu về môi trường theo quy chuẩn kỹ thuật tương ứng trước khi xả ra nguồn tiếp nhận. Đặc biệt, đối với chăn nuôi gia súc gia cầm — thế mạnh của địa phương — cần ưu tiên áp dụng công nghệ xử lý chất thải chăn nuôi bằng hầm biogas kết hợp ủ phân hữu cơ, vừa xử lý ô nhiễm vừa tận dụng năng lượng và phân bón phục vụ sản xuất nông nghiệp. Toàn bộ hộ gia đình, cơ quan, trường học và các công trình công cộng trên địa bàn đều phải có bể tự hoại ba ngăn đúng quy cách; nước thải sau xử lý sơ bộ được đầu nối vào hệ thống công thoát nước thải chung của khu vực, dẫn về trạm xử lý nước thải tập trung trước khi thải ra môi trường.

8. Vệ sinh môi trường

8.1. Chất thải rắn

- Căn cứ quy mô dân số, diện tích tự nhiên lớn và đặc điểm phân bố dân cư phân tán trên địa bàn xã Yên Trạch sau sáp nhập, quy hoạch xác định bố trí các điểm tập kết và trạm thu gom chất thải rắn tại mỗi khu dân cư tập trung, đảm bảo bán kính phục vụ hợp lý, thuận tiện cho người dân. Tổng diện tích đất dành cho các điểm thu gom, trung chuyển chất thải rắn trên địa bàn xã dự kiến khoảng 1,5–2,0 ha, phân bố đều theo các cụm dân cư của ba xã cũ nhằm rút ngắn cự ly vận chuyển và hạn chế ô nhiễm môi trường.

- Chất thải rắn sinh hoạt sau khi thu gom và trung chuyển tại địa bàn xã được vận chuyển về khu xử lý chất thải rắn tập trung của vùng hoặc liên kết với khu xử lý cấp tỉnh theo phân vùng quy hoạch của UBND tỉnh Thái Nguyên. Khuyến khích áp dụng các giải pháp phân loại rác tại nguồn, xử lý rác hữu cơ thành phân bón vi sinh tại chỗ phù hợp với điều kiện sản xuất nông — lâm nghiệp của địa phương, góp phần giảm khối lượng chất thải phải vận

chuyển đi xử lý tập trung.

8.2. Nghĩa trang, nghĩa địa

Việc lựa chọn địa điểm quy hoạch nghĩa trang trên địa bàn xã Yên Trạch được xem xét trên cơ sở các tiêu chí: phù hợp với khả năng khai thác quỹ đất đồi gò hiện có; phù hợp với tổ chức phân bố dân cư và thuận lợi kết nối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật; đảm bảo khoảng cách ly an toàn với khu dân cư, nguồn nước sinh hoạt và canh tác theo quy định; đồng thời đáp ứng nhu cầu mai táng của người dân cả trước mắt và lâu dài.

Giai đoạn trước mắt: Tiếp tục sử dụng các khu nghĩa địa hiện có tại địa bàn các xóm, thôn thuộc ba xã cũ; từng bước rà soát, khoanh vùng và kiểm soát quy mô các khu nghĩa địa nhỏ lẻ, phân tán, dần hạn chế mở rộng theo lộ trình phù hợp với tiến độ hình thành các nghĩa trang tập trung.

Giai đoạn tiếp theo: Đầu tư xây dựng từ 01–02 nghĩa trang tập trung phục vụ toàn xã, ưu tiên lựa chọn vị trí trên các sườn đồi thấp, không có giá trị canh tác cao, cách xa nguồn nước và khu dân cư theo đúng quy định; quản lý, vận hành theo hướng văn minh, từng bước hình thành các khu nghĩa trang có quy hoạch bài bản, đồng bộ hạ tầng giao thông và cây xanh. Chỉ tiêu diện tích nghĩa trang tập trung đảm bảo tối thiểu 0,04 ha/1.000 người theo tiêu chuẩn quy hoạch hiện hành. Khuyến khích và từng bước vận động người dân chuyển đổi hình thức mai táng theo hướng hỏa táng, đặt tro cốt tại nhà lưu giữ hoặc khu vực nghĩa trang tập trung, phù hợp với xu hướng chung của tỉnh Thái Nguyên và góp phần tiết kiệm quỹ đất.

9. Hạ tầng viễn thông thụ động

- Định hướng ngầm hóa và dùng chung hạ tầng

Mạng cáp viễn thông và cáp truyền hình trên địa bàn xã Yên Trạch được định hướng phát triển theo hướng ngầm hóa đồng bộ, ưu tiên triển khai tại khu vực trung tâm xã mới, các khu dân cư tập trung và dọc các tuyến đường được đầu tư xây dựng, cải tạo hoặc nâng cấp trong giai đoạn quy hoạch. Việc sử dụng chung hạ tầng kỹ thuật giữa các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông được khuyến khích nhằm tiết kiệm nguồn lực đầu tư, hạn chế tình trạng đào bới lòng đường nhiều lần và đảm bảo mỹ quan đô thị nông thôn. Đối với các tuyến đường nhánh, ngõ xóm tại khu dân cư phân tán hoặc các khu vực chưa đủ điều kiện kỹ thuật và kinh phí để ngầm hóa, tạm thời cho phép duy trì hình thức treo cáp trên cột, song phải bảo đảm an toàn, gọn gàng và không gây mất mỹ quan. Tại các công trình công cộng, trụ sở hành chính và các dự án đầu tư xây dựng mới, chủ đầu tư có trách nhiệm bố trí sẵn không gian, hạ tầng lắp đặt thiết bị viễn thông, điểm truy nhập internet công cộng và thùng thư theo quy định của pháp luật chuyên ngành. Đồng thời, từng bước phát triển mạng lưới điểm cung cấp dịch vụ bưu chính, viễn thông công cộng phù hợp với nhu cầu của người dân tại địa bàn xã rộng, dân số phân tán sau sáp nhập.

- Định hướng phát triển thông tin di động

Hiện nay, toàn bộ địa bàn xã Yên Trạch về cơ bản đã được phủ sóng thông tin di động trên các băng tần chính, đáp ứng nhu cầu sử dụng dịch vụ thoại và các dịch vụ dữ liệu thông thường cho người dân. Mạng di động trên địa bàn đang vận hành chủ yếu trên nền tảng công nghệ 4G; định hướng trong giai đoạn tới từng bước triển khai, mở rộng phủ sóng công nghệ 5G, đặc biệt tại khu vực trung tâm xã và các khu vực có mật độ dân cư cao, nhu cầu sử dụng dữ liệu lớn. Do địa hình xã Yên Trạch phức tạp, xen kẽ đồi núi và thung lũng, một số khu vực dân cư nằm sâu trong các thung lũng hẹp hoặc khuất sau địa hình có thể còn tồn tại điểm lốm sóng; cần rà soát, bổ sung trạm thu phát sóng tại các vị trí này để đảm bảo vùng phủ liên tục trên toàn địa bàn.

Hệ thống cột ăng ten được quy hoạch theo nguyên tắc dùng chung hạ tầng giữa các doanh nghiệp viễn thông, hạn chế tối đa việc xây dựng nhiều cột tại cùng một khu vực. Tại các trục đường chính, khu vực trung tâm hành chính và các điểm dân cư tập trung, định hướng chuyển đổi dần cột ăng ten loại công kênh (A2) sang loại thanh mảnh, thân thiện với cảnh quan (A1); bổ sung các cột ăng ten loại không công kênh (A1) tại các khu vực công cộng, không gian xanh và các điểm còn lốm tín hiệu nhằm nâng cao chất lượng phủ sóng. Tại các khu dân cư mới và khu vực tái định cư, khuyến khích ứng dụng cột ăng ten dạng Monopole kết hợp các giải pháp công nghệ tiên tiến như Hybrid WiFi Mesh; tận dụng tối đa vị trí các trạm hiện có, chỉ bổ sung trạm mới khi thực sự cần thiết với quy mô ô trạm từ 50–80 m², bán kính phục vụ của mỗi trạm truy nhập thông tin di động (bao gồm cả small cells 5G) vào khoảng 300–500 m.

10. Hạ tầng kỹ thuật phục vụ sản xuất

10.1. Giao thông nội đồng

Trên cơ sở mạng lưới đường nội đồng hiện có, định hướng duy trì, cải tạo và nâng cấp các tuyến đường trục chính phục vụ sản xuất nông — lâm nghiệp trên địa bàn xã Yên Trạch với tổng chiều dài khoảng 12,0–15,0 km, phù hợp với quy mô diện tích đất sản xuất lớn sau khi sáp nhập ba xã. Tiêu chuẩn kỹ thuật định hướng bảo đảm mặt đường rộng 2,5–3,0 m, nền đường rộng 3,5–5,0 m; kết cấu mặt đường bê tông xi măng tại các tuyến trục chính, các đường nhánh nội đồng ưu tiên lu lèn chặt hoặc gia cố cấp phối tùy điều kiện địa hình. Việc nâng cấp giao thông nội đồng cần được thực hiện đồng bộ với hệ thống kênh mương thủy lợi, bảo đảm phương tiện cơ giới hóa nông nghiệp có thể tiếp cận thuận lợi đến các vùng sản xuất tập trung, đặc biệt tại các khu vực đồi chè, đất canh tác nông nghiệp và vùng chăn nuôi gia súc theo định hướng phát triển của xã.

10.2. Thủy lợi

Hệ thống thủy lợi trên địa bàn xã Yên Trạch sau sáp nhập kế thừa toàn bộ hạ tầng tưới tiêu của ba xã Yên Ninh, Yên Đổ và Yên Trạch cũ, bao gồm nhiều tuyến kênh mương phân bố theo các tiểu lưu vực thuộc lưu vực sông Đu và sông Chợ Chu. Hệ thống hiện có khoảng 06–08 tuyến kênh chính với tổng chiều dài ước tính trên 15,0 km, hoạt động chủ yếu theo nguyên lý tự chảy, lấy nước từ các đầu mối thủy lợi hiện hữu trên địa bàn; trong đó một số tuyến kênh đã được kiên cố hóa, phần còn lại là kênh đất chưa được gia cố, dễ bị bồi lắng và thất

thoát nước trong mùa khô. Định hướng quy hoạch tập trung nâng cấp, kiên cố hóa toàn bộ các tuyến kênh hiện hữu theo thứ tự ưu tiên từ kênh cấp I đến kênh cấp II và kênh nội đồng, nhằm nâng cao hiệu quả tưới tiêu phục vụ sản xuất nông — lâm nghiệp và góp phần ổn định nguồn nước sinh hoạt cho người dân trên địa bàn.

- Trong quá trình lập và triển khai các quy hoạch chi tiết, dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn xã, cần tiến hành rà soát toàn diện hiện trạng hệ thống kênh mương; xây dựng phương án sử dụng, bảo tồn hoặc di dời, hoàn trả đối với từng tuyến kênh chịu ảnh hưởng, thực hiện đúng trình tự quy định của pháp luật về thủy lợi và đất đai. Mọi dự án triển khai trong phạm vi quy hoạch phải bảo đảm không làm suy giảm chất lượng nguồn nước tưới và nguồn nước sinh hoạt; có giải pháp thu gom, xử lý nước thải và rác thải đồng bộ; bảo đảm kết nối liên thông với hệ thống tưới, tiêu thoát nước hiện trạng không bị gián đoạn. Đồng thời, các công trình xây dựng phải tuân thủ nghiêm quy định về phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi theo Luật Thủy lợi năm 2017 và các văn bản hướng dẫn thi hành; chủ đầu tư và đơn vị thi công có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với đơn vị quản lý, khai thác công trình thủy lợi chuyên ngành trong suốt quá trình triển khai thực hiện.

VII. CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ

1. Nguyên tắc xác định ưu tiên đầu tư

- Ưu tiên các dự án tạo động lực phát triển không gian theo trục Quốc lộ 3 và khu trung tâm xã.

- Ưu tiên các công trình thiết yếu, phục vụ dân sinh, nâng cao chất lượng sống.

- Tập trung đầu tư các dự án có khả năng thu hút nguồn lực xã hội hóa, tạo việc làm và tăng thu ngân sách.

- Gắn đầu tư với khai thác hiệu quả quỹ đất và phát triển bền vững.

2. Các chương trình, dự án đầu tư

- Dự án phát triển hạ tầng khung và quy hoạch chi tiết, đầu tư xây dựng trung tâm xã.

- Dự án công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp.

- Dự án phát triển khu dân cư mới, khu tái định cư.

- Dự án phát triển sản xuất kinh doanh – thương mại dịch vụ.

- Dự án phát triển nông nghiệp công nghệ cao.

- Chương trình, dự án phát triển hạ tầng xã hội gắn với nâng cao chất lượng sống và tiêu chí nông thôn mới.

- Chương trình bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

- Dự án bảo tồn và phát huy giá trị di tích

- Ưu tiên các dự án tạo động lực phát triển không gian theo trục Quốc lộ 3 và khu trung tâm xã.

- Ưu tiên các công trình thiết yếu, phục vụ dân sinh, nâng cao chất lượng sống.

- Tập trung đầu tư các dự án có khả năng thu hút nguồn lực xã hội hóa, tạo việc làm và tăng thu ngân sách.

- Gắn đầu tư với khai thác hiệu quả quỹ đất và phát triển bền vững.

3. Phân kỳ đầu tư

- Giai đoạn 2030: Đầu tư xây dựng khu trung tâm xã; phát triển dân cư, tái định cư; Nâng cấp, cải tạo hệ thống trường học các cấp đạt chuẩn; Nâng cấp trạm y tế xã, chuẩn bị đầu tư bệnh viện khu vực; triển khai đầu tư cụm công nghiệp Yên Ninh, cụm công nghiệp Bằng Ninh; đầu tư hạ tầng khung; Xây dựng trung tâm văn hóa – thể thao xã; Cải tạo, nâng cấp chợ, các nhà văn hóa thôn. Triển khai một số dự án sản xuất – kinh doanh;

- Giai đoạn 2031-2045: Hoàn thiện hạ tầng và mở rộng không gian. Phát triển các khu ở mới theo hướng tiệm cận đô thị hóa. Hoàn thiện và mở rộng các cụm công nghiệp. Phát triển các khu thương mại – dịch vụ quy mô lớn. Phát triển nông nghiệp công nghệ cao quy mô lớn. Hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật gắn với chất lượng môi trường.